

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên: Nguyễn Thị Dung

Người hướng dẫn: Th.s Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG – 2015

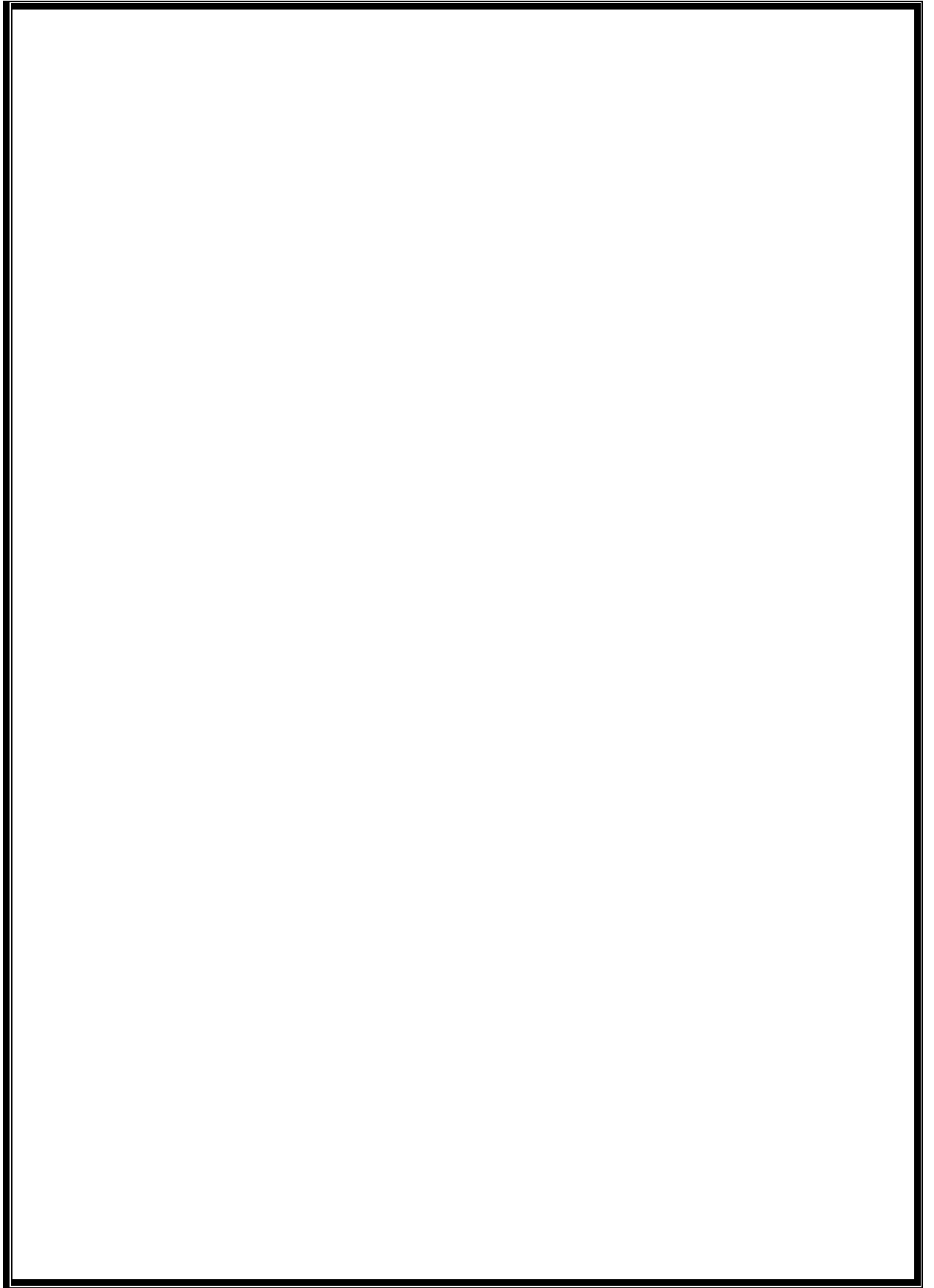
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA ‘THĂNG LONG TỨ
TRẦN’ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÔN GIÁO
TÍN NGƯỠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH.**

Sinh viên: Nguyễn Thị Dung
Người hướng dẫn: Th.s Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG - 2015



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Dung.

Mã số: 1112601021

Lớp: VH1501

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: **KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA ‘THĂNG LONG TỨ TRẦN’
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đào Thị Thanh Mai

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Khoa Du lịch - Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn :

.....

.....

.....

.....

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác :

Nội dung hướng dẫn :

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI CHẤM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lí luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lí luận và thực tiễn của đề tài.

2. Cho điểm của người chấm phản biện:

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày tháng năm 2015

Người chấm phản biện

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG	4
1.1. Khái niệm, đặc điểm và các loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng.....	4
1.1.1 Khái niệm về tôn giáo tín ngưỡng và du lịch tôn giáo tín ngưỡng	4
1.1.2. Đặc điểm của du lịch tôn giáo tín ngưỡng	8
1.1.3 Xu hướng phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam.....	10
1.2. Lịch sử hình thành và điều kiện phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.	11
1.2.1 Lịch sử hình thành du lịch tôn giáo tín ngưỡng	11
1.2.2 Điều kiện kinh tế và văn hóa xã hội để phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.....	12
1.2.3 Điều kiện về tài nguyên du lịch tôn giáo tín ngưỡng.....	12
1.3. Vị trí và vai trò của du lịch tôn giáo tín ngưỡng trong giai đoạn hiện nay..	14
1.3.1 Vị trí của du lịch tôn giáo tín ngưỡng	14
1.3.2 Vai trò và ý nghĩa của du lịch tôn giáo tín ngưỡng.....	15
1.4. Xu hướng phát triển của du lịch tôn giáo tín ngưỡng	16
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	18
CHƯƠNG 2. KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA THĂNG LONG TỨ TRẦN (HÀ NỘI) PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG..	19
2.1. Khái quát chung về cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn	19
2.1.1.Lịch sử hình thành cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.....	19
2.2.2. Các giá trị tiêu biểu của cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.....	21
2.2 Thực trạng phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.....	35
2.3. Đánh giá chung.....	42
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	44
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ	45
3.1. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn phục vụ cho phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng	45
3.1.1. Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ cảnh quan	45

3.1.2. Tuyên truyền quảng bá.....	46
3.1.3. Tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân.....	47
3.1.4. Áp dụng thành tựu khoa học vào công tác bảo tồn và phát triển di tích..	48
3.1.5. Giải pháp về nguồn nhân lực	48
3.1.6. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.....	49
3.1.7. Giải pháp về nâng cao sự sẵn sàng đón tiếp du khách.....	50
3.2. Một số kiến nghị trong việc phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn	51
3.2.1. Đối với cơ quan quản lý cấp Bộ.....	51
3.2.2. Đối với sở VH TT & DL Hà Nội	52
3.2.3. Đối với ban tổ chức và quản lý cụm di tích	53
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	54
KẾT LUẬN	55
MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỤM DI TÍCH THĂNG LONG TỨ TRẦN.....	57
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên ngành Văn hóa du lịch, được làm khóa luận tốt nghiệp thực sự là một vinh dự đối với em. Việc làm khóa luận đòi hỏi sự cố gắng học hỏi, tìm tòi kiến thức của bản thân, sự giúp đỡ hướng dẫn của giáo viên cùng sự giúp đỡ động viên của gia đình bạn bè.

Trước tiên, em xin trân trọng cảm ơn thạc sĩ Đào Thị Thanh Mai, người đã động viên, giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm trong học tập và suốt quá trình em nghiên cứu, hoàn thành khóa luận.

Em xin gửi lời cảm ơn tới Ban giám hiệu trường Đại học Dân lập Hải Phòng, quý thầy cô trong Khoa Du lịch đã tạo mọi điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận.

Được sự giúp đỡ của trường Đại học Dân lập Hải Phòng, thầy cô, gia đình và bạn bè cùng với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, em đã hoàn thành đề tài khóa luận: “ Khai thác các giá trị của Thăng Long Tứ Trấn phục vụ phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng”.

Trong qua trình làm đề tài khóa luận do kiến thức, kinh nghiệm còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Dung

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử lâu đời của dân tộc ta được lưu giữ qua những trang huyền thoại, ca dao tục ngữ, chuyện kể dân gian, bên cạnh đó sự trường tồn của dân tộc còn được thể hiện qua các di tích lịch sử - văn hóa - tôn giáo tín ngưỡng, đó là những minh chứng hùng hồn nhất.

Việt Nam có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, nhiều di tích lịch sử lâu đời. Nước ta có 54 dân tộc cùng sinh sống với nhau trên một lãnh thổ, cũng chính vì thế mà Việt Nam là nơi giao lưu, gặp gỡ của nhiều luồng văn hóa, trở thành một cộng đồng thống nhất.

Chính sự đa dạng phong phú về thành phần tộc người đã dẫn đến sự đa dạng về hệ thống tôn giáo tín ngưỡng. Điều này được minh chứng bằng hàng loạt các di tích lịch sử, công trình kiến trúc - văn hóa - tôn giáo tín ngưỡng, nếp sống sinh hoạt ở khắp nơi trên đất nước ta.

Trong những năm gần đây, nước ta chuyển sang thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Chính sách kinh tế mở cửa được đẩy mạnh phát triển, kinh tế nông nghiệp lạc hậu được dần thay bằng kinh tế công nghiệp hiện đại, đặc biệt kinh tế dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Với đặc điểm là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, ngành du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Với nhiều loại hình du lịch khác nhau, ngành du lịch đang ngày càng phát triển mạnh mẽ. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng là một trong những loại hình du lịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần lưu giữ và bảo tồn các phong tục tập quán, nếp sống sinh hoạt, di tích lịch sử, di sản văn hóa, hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ thông qua các sản phẩm du lịch.

Hà Nội là thủ đô ngàn năm văn hiến, còn lưu dấu nhiều di tích lịch sử. Với tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, Hà Nội đã trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút đông đảo lượng khách trong nước và quốc tế.

So với các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam, thủ đô Hà Nội là một thành phố có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Trong nội ô, cùng với các

công trình kiến trúc, Hà Nội còn sở hữu một hệ thống bảo tàng đa dạng bậc nhất Việt Nam. Thành phố cũng có nhiều lợi thế trong việc giới thiệu văn hóa Việt Nam với du khách nước ngoài thông qua các nhà hát sân khấu dân gian, các làng nghề truyền thống... Là thủ đô hơn 1000 năm tuổi có lịch sử lâu đời, truyền thống văn hóa đa dạng và giàu bản sắc, Hà Nội thực sự là một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam. Hà Nội luôn là một trong những địa điểm thu hút nhiều khách du lịch nội địa và quốc tế. Theo thống kê đến năm 2014, Hà Nội đứng đầu cả nước về số lượng di tích Việt Nam với 3840 di tích trên tổng số gần 40.000 di tích Việt Nam (trong đó có 1164 di tích trên tổng số gần 3500 di tích cấp quốc gia ở Việt Nam). Chính vì vậy mà Hà Nội có thế mạnh và đủ điều kiện để phát triển du lịch văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, tâm linh và hội thảo.

Bên cạnh đó, Hà Nội có 511 cơ sở lưu trú với hơn 12.700 phòng đang hoạt động. Ngoài 9 khách sạn 5 sao là Daewoo, Horison, Hilton Hanoi Opera, Melia, Nikko, Sofitel Metropole, Sheraton, Sofitel Plaza, và InterContinental, thành phố còn 6 khách sạn 4 sao và 19 khách sạn 3 sao.

Một trong những cụm di tích lịch sử nổi tiếng ở Hà Nội mang đậm dấu ấn về văn hóa tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng đó là Thăng Long Tứ Trấn. Thăng Long Tứ Trấn là khái niệm xuất hiện trong dân gian để chỉ về bốn ngôi đền thiêng trấn giữ các hướng Đông Tây Nam Bắc của thành Thăng Long cũ. Thăng Long Tứ Trấn được lưu giữ trong tâm thức người Việt nói chung và người Hà Nội nói riêng không chỉ có ý nghĩa tâm linh mà còn mang giá trị văn hóa lịch sử sâu sắc. Tuy nhiên hiện trạng bảo tồn cũng như khai thác phục vụ du lịch của cụm di tích này còn nhiều hạn chế.

Vì những lý do đó, em đã chọn đề tài : “Khai thác các giá trị của Thăng Long Tứ Trấn phục vụ phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận, thực tiễn về loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng, hiện trạng và các giải pháp phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại Thăng Long Tứ Trấn.

Phạm vi nghiên cứu: Về mặt không gian: cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn tại thủ đô Hà Nội bao gồm: đền Bạch Mã, đền Voi Phục, đền Kim Liên và đền Quán Thánh.

Thời gian: Đề tài được thực hiện trong thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 6/2015.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài khóa luận đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu sau :

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu: người viết thu thập từ các nguồn tài liệu và số liệu đáng tin cậy, bao gồm giáo trình, sách và tạp chí chuyên ngành, số liệu do ban quản lý di tích cung cấp v.v... để phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài.

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp: Sau khi đã có được số liệu và tài liệu, em đã tiến hành thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp để có được những đánh giá, kết luận cụ thể về tiềm năng, giá trị cũng như hiện trạng của vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát thực tế: Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài, em đã đến khảo sát thực tế tại bốn ngôi đền thuộc Thăng Long Tứ Trấn - thủ đô Hà Nội nhằm có những thông tin, số liệu cập nhật, đồng thời quan sát đánh giá trực tiếp hiện trạng của đối tượng nghiên cứu.

4. Bố cục của đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung khóa luận bao gồm 3 chương :

Chương 1. Cơ sở lý luận về du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Chương 2. Hiện trạng khai thác các giá trị của Thăng Long Tứ Trấn (Hà Nội) phục vụ phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Chương 3. Một số giải pháp và kiến nghị

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm và các loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

1.1.1 Khái niệm về tôn giáo tín ngưỡng và du lịch tôn giáo tín ngưỡng

a. Khái quát chung về tôn giáo tín ngưỡng

Tôn giáo hay đạo (tiếng Anh: religion - xuất phát từ tiếng Latinh religio mang nghĩa "tôn trọng điều linh thiêng, tôn kính thần linh" hay "bổn phận, sự gắn kết giữa con người với thần linh") - xét trên một cách thức nào đó, đó là một phương cách để giúp con người sống và tồn tại với sức mạnh siêu nhiên từ đó làm lợi ích cho vạn vật và con người), đôi khi đồng nghĩa với tín ngưỡng, thường được định nghĩa là niềm tin vào những gì siêu nhiên, thiêng liêng hay thần thánh, cũng như những đạo lý, lễ nghi, tục lệ và tổ chức liên quan đến niềm tin đó. Những ý niệm cơ bản về tôn giáo chia thế giới thành hai phần: thiêng liêng và trần tục. Trần tục là những gì bình thường trong cuộc sống con người, còn thiêng liêng là cái siêu nhiên, thần thánh. Đứng trước sự thiêng liêng, con người sử dụng lễ nghi để bày tỏ sự tôn kính, sùng bái và đó chính là cơ sở của tôn giáo. Trong nghĩa tổng quát nhất, có quan điểm đã định nghĩa tôn giáo là kết quả của tất cả các câu trả lời để giải thích nguồn gốc, quan hệ giữa nhân loại và vũ trụ; những câu hỏi về mục đích, ý nghĩa cuối cùng của sự tồn tại. Chính vì thế những tư tưởng tôn giáo thường mang tính triết học. Số tôn giáo được hình thành từ xưa đến nay được xem là vô số, có nhiều hình thức trong những nền văn hóa và quan điểm cá nhân khác nhau. Tuy thế, ngày nay trên thế giới chỉ có một số tôn giáo lớn được nhiều người theo hơn những tôn giáo khác.

Đôi khi từ "tôn giáo" cũng có thể được dùng để chỉ đến những cái gọi đúng hơn là "tổ chức tôn giáo" - một tổ chức gồm nhiều cá nhân ủng hộ việc thờ phụng, thường có tư cách pháp nhân. "Tôn giáo" hay được nhận thức là "tôn giáo" có thể không đồng nhất với những định nghĩa trên đây trong niềm tin tối hậu nơi mỗi tôn giáo (tức là khi một tín hữu theo một tôn giáo nào đó, họ không có cái gọi là ý niệm "tôn giáo" nơi tôn giáo của họ, tôn giáo chỉ là một cách suy

niệm của những người không có tôn giáo bao phủ lấy thực tại nơi những người có tôn giáo).

Có nhiều quan niệm khác nhau về tôn giáo:

- Một cách định nghĩa, đôi khi được gọi là "lối theo chức năng", định nghĩa tôn giáo là bất cứ hệ thống tín ngưỡng và phong tục nào có chức năng đề cập đến những câu hỏi căn bản về đặc tính loài người, đạo đức, sự chết và sự tồn tại của thần thánh (nếu có). Định nghĩa rộng này bao gồm mọi hệ thống tín ngưỡng, kể cả những hệ thống không tin tưởng vào thần thánh nào, những hệ thống đơn thần, những hệ thống đa thần và những hệ thống không đề cập đến vấn đề này vì không có chứng cứ.

- Cách định nghĩa thứ hai, đôi khi được gọi là "lối theo hình thể", định nghĩa tôn giáo là bất cứ hệ thống tín ngưỡng nào xác nhận những điều không thể quan sát một cách khoa học được, và chỉ dựa vào chức trách hay kinh nghiệm với thần thánh. Nghĩa này hẹp hơn phân biệt "tôn giáo" với chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa nhân bản thế tục, thuyết vô thần, triết khách quan và thuyết bất khả tri, vì những hệ thống này không dựa vào chức trách hay kinh nghiệm nhưng dựa vào cách hiểu theo khoa học.

- Cách định nghĩa thứ ba, đôi khi được gọi là "lối theo chứng cứ vật chất", định nghĩa tôn giáo là những tín ngưỡng về nhân quả mà Occam's Razor loại trừ vì chúng chấp nhận những nguyên nhân quá phức tạp để giải thích những chứng cứ vật chất. Theo nghĩa này, những hệ thống không phải là tôn giáo là những hệ thống không tin tưởng vào những nguyên nhân phức tạp hơn cần thiết để giải thích những chứng cứ vật chất. Những người theo quan điểm này tự xưng là "bất tôn giáo", nhưng cũng có người tôn giáo nhìn nhận rằng "tín ngưỡng" và "khoa học" là hai cách hoàn toàn khác nhau để đi đến chân lý. Quan điểm này bị bác bỏ bởi những người xem rằng những giải thích siêu hình là cần thiết để giải thích các hiện tượng tự nhiên một cách căn bản.

- Cách định nghĩa thứ tư, đôi khi được gọi là "lối tổ chức", định nghĩa tôn giáo là các hội đoàn, tín ngưỡng, tổ chức, phong tục, và luật đạo đức chính thức của tất cả các tôn giáo chính có tổ chức. Nghĩa này đặt "tôn giáo" vào một vị trí

trái ngược với "tinh thần", cho nên không bao gồm những luận điệu của "tinh thần" về việc tiếp xúc, phục vụ, hay tôn thờ thần thánh. Tuy nhiên, trong nghĩa này tôn giáo và tinh thần không cần phải "được cái này mất cái kia": một người sùng đạo có thể có tinh thần hay không tinh thần, và một người có tinh thần có thể có hay không sùng đạo. Theo tương tự, ta có thể xem "tôn giáo" như là than, củi, hay xăng, và "tinh thần" là ngọn lửa [8]

Tôn giáo thể hiện đặc trưng của một nền văn hóa, thể hiện bề mặt và tâm linh, phong tục tập quán của con người trong xã hội. Tôn giáo gắn liền với chính trị xã hội.

Khi nói đến tôn giáo, dù theo ý nghĩa hay cách biểu hiện nào thì luôn luôn phải đề cập đến vấn đề hai thế giới: thế giới hiện hữu và thế giới phi hiện hữu, thế giới của người sống và thế giới sau khi chết, thế giới của những vật thể hữu hình và vô hình.

Tôn giáo không chỉ là những sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên và xã hội, do thiếu hiểu biết dẫn đến sợ hãi và tự đánh mất mình do đó phải dựa vào thánh thần mà còn hướng con người đến một hy vọng tuyệt đối, một cuộc đời thánh thiện, mang tính "Hoàng kim nguyên thủy", một cuộc đời mà quá khứ, hiện tại, tương lai cùng chung sống. Nó gieo niềm hi vọng vào con người, dù có phần ảo tưởng để mà yên tâm, tin tưởng để sống và phải sống trong một thế giới trần gian có nhiều bất công và khổ ải.

Như vậy: Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

Tín ngưỡng mang tính dân tộc, dân gian. tín ngưỡng có tổ chức không chặt chẽ như tôn giáo. Khi nói đến tín ngưỡng người ta thường nói đến tín ngưỡng của một dân tộc hay một số dân tộc có một số đặc điểm chung còn tôn

giáo thì thường là không mang tính dân gian. Tín ngưỡng không có một hệ thống điều hành và tổ chức như tôn giáo, nếu có thì hệ thống đó cũng lẻ tẻ và rời rạc. Tín ngưỡng nếu phát triển đến một mức độ nào đó thì có thể thành tôn giáo.

Cơ sở của mọi tôn giáo, tín ngưỡng là niềm tin, sự ngưỡng vọng của con người vào những cái "siêu nhiên" hay gọi là "cái thiêng" cái đối lập với cái "trần tục", cái hiện hữu mà con người có thể sờ mó, quan sát được. Niềm tin vào "cái thiêng" thuộc về bản chất con người, nó ra đời và tồn tại, phát triển cùng với con người và loài người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm...

Tùy theo hoàn cảnh, trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi dân tộc, địa phương, quốc gia mà niềm tin vào "cái thiêng" thể hiện ra các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể khác nhau. Chẳng hạn như niềm tin vào Đức Chúa Trời, của Kitô giáo, niềm tin vào Đức Phật của Phật giáo, niềm tin vào Thánh, Thần của tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng Thành Hoàng, Đạo Mẫu... Các hình thức tôn giáo tín ngưỡng này dù rộng hẹp khác nhau, dù phổ quát toàn thế giới hay là đặc thù cho mỗi dân tộc... thì cũng đều là một thực thể biểu hiện niềm tin vào cái thiêng chung của con người.

Hiện tại, có nhiều ý kiến khác nhau khi sử dụng khái niệm tôn giáo và tín ngưỡng. Theo quan điểm truyền thống, người ta có ý thức phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng, thường coi tín ngưỡng ở trình độ phát triển thấp hơn so với tôn giáo. Loại quan điểm thứ hai là đồng nhất giữa tôn giáo và tín ngưỡng và đều gọi chung là tôn giáo, tuy có phân biệt tôn giáo dân tộc, tôn giáo nguyên thủy, tôn giáo địa phương, tôn giáo thế giới (phổ quát).

Sự khác nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng thể hiện ở một số điểm như: Tôn giáo có hệ thống giáo lý, kinh điển... được truyền thụ qua giảng dạy và học tập ở các tu viện, thánh đường, học viện... có hệ thống thần điện, có tổ chức giáo hội, hội đoàn chặt chẽ, có nơi thờ cúng riêng như nhà thờ, chùa, thánh đường..., nghi lễ thờ cúng chặt chẽ, có sự tách biệt giữa thế giới thần linh và con người. Còn tín ngưỡng thì chưa có hệ thống giáo lý mà chỉ có các huyền thoại, thần

tích, truyền thuyết. Tín ngưỡng mang tính chất dân gian, gắn với sinh hoạt văn hóa dân gian. Trong tín ngưỡng có sự hòa nhập giữa thế giới thần linh và con người, nơi thờ cúng và nghi lễ còn phân tán, chưa thành quy ước chặt chẽ... [8;58]

b. Khái niệm du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng đã có từ lâu và thịnh hành trên thế giới từ khi nhân loại bước sang văn minh hậu công nghiệp. Nhu cầu muốn tạm thoát nhịp sống gấp gáp của thời hiện đại mở ra lựa chọn cho khách hành hương tới những địa chỉ tôn giáo và tín ngưỡng để tĩnh tâm, thỏa mãn nhu cầu tinh thần, trút bỏ được các cảm xúc khổ đau, vun đắp tâm nguyện hướng thiện, tỏ lòng thành kính với tổ tiên, với các bậc tiền nhân dày công đức với dân tộc.

Dù cách diễn đạt có khác nhau, nhưng xét tổng thể, du lịch tôn giáo tín ngưỡng thực chất là một trong những loại hình du lịch văn hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu tôn giáo và tín ngưỡng trong đời sống tinh thần du khách, hướng đến những điều cao đẹp, tạo cơ hội cho mỗi cá nhân thể hiện lòng mình với lẽ phải, điều thiện; với tổ tiên và quốc gia, dân tộc. Với cách nhìn nhận đó, du lịch tôn giáo tín ngưỡng khai thác những yếu tố về đức tin và những giá trị tinh thần đặc biệt trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch. Khi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, xã hội càng hiện đại thì con người ta lại càng có nhu cầu nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng bao hàm cả việc tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình, làm trỗi dậy sự giác ngộ của khách du lịch tại những địa danh tôn giáo tín ngưỡng chính là mục tiêu của các tour du lịch này. Đây là loại hình du lịch kết hợp giữa nhu cầu tham quan, giải trí thư giãn với nhu cầu tâm linh.

1.1.2. Đặc điểm của du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng xuất hiện từ rất lâu và đang ngày càng trở nên phổ biến, phát triển mạnh mẽ.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng luôn gắn với những huyền thoại, những điều linh thiêng huyền bí.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng có sự dung hợp, đan xen và hòa đồng. Các tín ngưỡng truyền thống phản ánh đời sống tâm linh phong phú, đa dạng, sự khoan dung, độ lượng, nhân ái và tinh thần đoàn kết. Trong nhiều cộng đồng dân cư có sự xen kẽ giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo. Du lịch tôn giáo giúp khách du lịch và cộng đồng tín ngưỡng tôn giáo có thêm hiểu biết lẫn nhau, thông cảm và chia sẻ với nhau hơn.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng mang những nét văn hóa riêng biệt nhưng đều hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, chịu ảnh hưởng của truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên những nét đẹp trong nền văn hóa đa dạng, phong phú về bản sắc của dân tộc.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng mang lại những cảm nhận, giá trị trải nghiệm và giải thoát trong tâm hồn con người, cân bằng và củng cố đức tin, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng ngày càng được tiếp cận và nhìn nhận tích cực cả về khía cạnh kinh tế và xã hội. Các quốc gia ngày càng quan tâm hơn đến du lịch tôn giáo tín ngưỡng và coi đó là một trong những giải pháp đáp ứng đời sống tinh thần cho nhân dân song song với việc bảo tồn, tôn vinh những giá trị truyền thống, suy tôn những giá trị nhân văn cao cả.

Một số đặc điểm của du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam:

Ở Việt Nam, trong các loại hình du lịch tôn giáo tín ngưỡng thì du lịch gắn với Phật giáo chiếm tỉ lệ lớn nhất, cùng tồn tại với các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, v.v... Triết lý phương Đông, đức tin, giáo pháp, những giá trị vật thể và phi vật thể gắn với các thiết chế, công trình tôn giáo ở Việt Nam như những ngôi chùa, tòa thánh, những công trình văn hóa tôn giáo gắn với các di tích là đối tượng mục tiêu hướng tới của du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng thờ cúng, tri ân những anh hùng dân tộc, những vị tiền bối có công với đất nước dân tộc cho tới phạm vi làng xã (thành hoàng). Du lịch tôn giáo tín ngưỡng còn gắn với đạo lý uống nước nhớ nguồn, trở về với cội nguồn dân tộc. Mới đây,

tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam còn gắn với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, dòng tộc, tri ân báo hiếu đối với cha ông và các bậc sinh thành.

Du lịch tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam gắn với các hoạt động thể thao tinh thần như thiền, yoga, hướng tới sự cân bằng, thanh tao siêu thoát trong đời sống tinh thần, đặc trưng và tiêu biểu phải kể đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

1.1.3 Xu hướng phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam

Việt Nam có nhiều tiềm năng thế mạnh để phát triển du lịch tín ngưỡng tôn giáo, thể hiện ở bề dày lịch sử văn hóa gắn với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo. Sự đa dạng và phong phú của các tầng tích tôn giáo và số lượng lớn các tín ngưỡng, lễ hội dân gian được tổ chức quanh năm trên phạm vi cả nước là điều kiện để du lịch tôn giáo tín ngưỡng phát triển. Ngày nay trong xã hội hiện đại, nhu cầu tinh thần, tâm linh của con người ngày càng cao trở thành động lực thúc đẩy du lịch tôn giáo tín ngưỡng phát triển. Hiện nay du lịch tôn giáo tín ngưỡng đã trở thành một loại hình du lịch phổ biến ở Việt Nam.

Số lượng du khách đi du lịch tôn giáo tín ngưỡng ngày càng tăng, chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu khách du lịch, đặc biệt là khách nội địa. Số khách gia tăng cho thấy du lịch tôn giáo tín ngưỡng đang ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống xã hội.

Nhu cầu du lịch tôn giáo tín ngưỡng không chỉ giới hạn trong khuôn khổ các hoạt động gắn với tôn giáo mà ngày càng mở rộng tới các hoạt động sinh hoạt tinh thần, tín ngưỡng cổ truyền dân tộc và các yếu tố linh thiêng khác. Hoạt động tôn giáo tín ngưỡng ngày càng chủ động, có chiều sâu và trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đại bộ phận nhân dân.

Hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch tôn giáo tín ngưỡng ngày càng phát triển mạnh mẽ, thể hiện ở quy mô, tính chất hoạt động của các khu, điểm du lịch gắn với yếu tố tâm linh. Xuất hiện và phát triển ngày càng nhiều các điểm du lịch tâm linh ở hầu hết các vùng miền trên khắp cả nước, tiêu biểu như Đền Hùng (Phú Thọ), Yên Tử (Quảng Ninh), Chùa Hương (Hà Nội), Phát Diệm

(Ninh Bình), Núi Bà Đen, Thánh thất Cao Đài (Tây Ninh), Chùa Bái Đính (Ninh Bình), Đại Nam Văn Hiến (Bình Dương), Miếu Bà Chúa Xứ (An Giang), Côn Sơn Kiếp Bạc (Hải Dương), Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Đền Trần – Phủ Dầy (Nam Định) v.v...

1.2. Lịch sử hình thành và điều kiện phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

1.2.1 Lịch sử hình thành du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Con người xuất hiện trên trái đất này phải đối diện với biết bao nỗi lo sợ về thiên tai, lụt lội, sấm sét, động đất, núi lửa, bão tố, bệnh tật, đói nghèo làm cuộc sống vốn đã khó khăn càng thêm khổ sở và ảnh hưởng đến sự sống chết của họ. Lúc khoa học chưa xuất hiện, con người không thông hiểu sự biến dịch, vận hành nên nỗi lo sợ là tác động khiến họ cố gắng tìm kiếm những lời giải thích, câu trả lời cho những hiện tượng liên quan đến đời sống của họ vì thế mà tôn giáo tín ngưỡng được ra đời.

Vì không thể giải thích những hiện tượng sinh diệt của thế gian một cách hợp lý, khách quan nên những tôn giáo tín ngưỡng thờ Thượng đế hoặc đấng Phạm thiên vội kết luận đó là do những tha lực ngoài khả năng của con người, như của Thượng đế, thần thánh...

Con người tin vào tôn giáo tín ngưỡng, tin vào thần thánh, tìm đến tôn giáo tín ngưỡng như một niềm tin tuyệt đối, mong được thoải mái về mặt tâm linh. Các chuyến đi thỏa mãn đồng thời 2 nhu cầu: “đi cho biết đó biết đây” và chiêm ngưỡng, hành lễ tại các công trình, địa điểm tín ngưỡng tôn giáo đã tác động và hình thành du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Việt Nam thời cổ đã có các hình thức thực hành tôn giáo đối với các đối tượng tự nhiên. Các hình trang trí trên trống đồng Đông Sơn đã phản ánh các nghi lễ tôn giáo thời ấy, trong đó mô tả rất nhiều về hình ảnh một loài chim, mà cụ thể là chim Lạc khiến các sử gia tin rằng, chúng là đối tượng được người Việt cổ tin thờ. Ngoài ra, con rồng cũng được xuất hiện nhiều trong các sản phẩm nghệ thuật, mỹ thuật Việt Nam, phát sinh từ việc thờ kính Lạc Long Quân, một huyền thoại về người được cho là cha đẻ của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, các đối tượng tự nhiên khác như động vật, núi, sông, biển... cũng được người

Việt tôn làm thần bảo vệ, chúc phúc cho con người. Tôn giáo tại Việt Nam có mối liên hệ với nền văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ nhưng người Việt còn kết hợp yếu tố truyền thống đạo đức dân tộc mình vào đó để hình thành tôn giáo mang bản sắc riêng.

Chính sách mở cửa, giao lưu hội nhập kinh tế văn hóa chính là điều kiện quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

1.2.2 Điều kiện kinh tế và văn hóa xã hội để phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Điều kiện kinh tế là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch. Nền kinh tế phát triển là tiền đề cho sự phát triển du lịch nói chung và du lịch tôn giáo tín ngưỡng nói riêng.

Nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng cao dẫn đến những nhu cầu về nghỉ ngơi, ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí, tham quan...

Nền kinh tế công nghiệp hóa hiện đại hóa kéo theo những vấn đề về giao thông vận tải, dịch vụ bổ sung, sản phẩm du lịch phục vụ cho việc phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Việc phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng phải mang dấu ấn con người, bản sắc dân tộc, phong tục tập quán nơi có tài nguyên du lịch.

1.2.3 Điều kiện về tài nguyên du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Tôn giáo luôn là một vấn đề nhạy cảm, nhưng không vì thế mà chúng ta tránh né hay không bàn đến khía cạnh khai thác các giá trị của tôn giáo trong phát triển du lịch. Chúng ta có thể xem tôn giáo như là một nguồn lực (một dạng tài nguyên) để phát triển du lịch, không chỉ là một nguồn lực thông thường mà là “*một nguồn lực trí tuệ*” như một chuyên gia về tôn giáo học đã phát biểu. Việc khai thác các giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo trong hoạt động du lịch đã được nhiều nước trên thế giới khai thác dưới các hình thức chẳng hạn như du khách Islam đi hành hương đến thánh địa Mecca ở Ả Rập Saudi, tín đồ đạo Phật đến Nepal chiêm bái những thánh tích của đạo Phật... Ở Việt Nam, số lượng người tham gia vào các chuyến du lịch tôn giáo càng tăng lên và trở thành một nhu cầu thật sự.

Vì là nơi chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần vô giá của con người nên những công trình kiến trúc tâm linh thường là những nơi du khách quan tâm tìm hiểu. Còn đối với người dân bản địa, phong tục tập quán đã khiến họ coi đình, đền, chùa là nơi cầu an, nơi che chở về đời sống tinh thần nên cứ mỗi độ xuân sang, tết đến, người dân tứ phương nô nức về trẩy hội, lễ chùa. Cho nên hoạt động du lịch tự phát đã diễn ra ở đây từ rất lâu. Tôn giáo tín ngưỡng, tâm linh như một nguồn tài nguyên vô giá mà cha ông đã để lại cho muôn đời.

Hệ thống các công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng như chùa Chèm (Từ Liêm), chùa Đại Cát (Từ Liêm), chùa Bát Tháp (Ba Đình), chùa Am Cây Đề (Ba Đình),...thường quay về hướng Nam như chùa Diên Phúc (Gia Lâm), chùa Ích Vịnh (Thanh Trì), chùa Bát Tháp (Ba Đình),... hoặc gần ao, sông, hồ như chùa Kim Giang (Thanh Trì), chùa Kim Liên (Tây Hồ), ... Đình cũng được coi là trung tâm tôn giáo của làng, thế đất, hướng đình được xem là quyết định vận mệnh của cả làng nên đình cũng được xây dựng ở nơi cao ráo, thoáng mát, tựa núi, nhìn sông nhưng vẫn ở vị trí trung tâm để người dân đi đâu cũng tụ hội tại đình. Đền, miếu lại thường đặt ở vị trí có liên quan đến truyền thuyết hoặc sự tích cuộc sống của các vị thần thánh linh thiêng hay nhân vật lịch sử được lưu truyền ăn sâu vào tâm trí người dân từ đời này qua đời khác như đền Voi Phục, đền Bạch Mã, đền Hai Bà Trưng...

Bên cạnh những giá trị vật thể to lớn, những công trình tôn giáo, tín ngưỡng còn chứa đựng những giá trị phi vật thể, là tính cách, tâm hồn con người Việt Nam. Đình, chùa cũng là trung tâm tôn giáo và trung tâm văn hóa của cộng đồng dân cư nên đây cũng là nơi tập trung của lễ hội – một phong tục đẹp của con người Việt Nam diễn ra khi nông nhàn. Phần lễ diễn ra chính ở đình, chùa và phần hội ở khu vực xung quanh đó. Hà Nội có một số lễ hội đặc biệt. Về nghề nghiệp, có hội pháo Bình Đà (Thanh Oai), có hội làng Cổ Nhuế (Từ Liêm) diễn ra ở đình làng Cổ Nhuế thờ thần gắp phân, nhắc nhở vai trò của phân bón diễn ra vào những ngày đầu tháng giêng. Về kỷ niệm các anh hùng dựng nước và giữ nước, có hội Gióng (Phù Đổng, Gia Lâm), hội đền An Dương Vương (Cổ Loa, Đông Anh), hội Hai Bà Trưng (làng Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng), hội

đền Hạ Lôi (Mê Linh),... Lễ hội tôn giáo như hội chùa Hương (Mỹ Đức), hội chùa Tây Phương (Thạch Thất), v.v...; lễ hội tín ngưỡng dân gian như hội đền Và (Bát Bạt) thờ thần Tản Viên, hội Chử Đồng Tử (Tự Nhiên, Thường Tín),... Lễ hội là một yếu tố quan trọng thu hút một số lượng đông đảo du khách hàng năm nên nó được coi là một tiềm năng lớn của ngành du lịch.

Tựu chung lại, đình chùa là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên nhân văn to lớn về tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, giá trị lịch sử v.v... Những công trình tôn giáo, tín ngưỡng như thế này ngày nay được đánh giá và xếp hạng di tích theo các thang bậc khác nhau về giá trị. Tính đến năm 2014, Hà Nội có khoảng 2000 di tích được xếp hạng, trong đó đa phần là các đình, đền, chùa, miếu, phủ. Đó chính là tiềm năng vô giá cho ngành kinh doanh du lịch tôn giáo tín ngưỡng - ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt.

1.3. Vị trí và vai trò của du lịch tôn giáo tín ngưỡng trong giai đoạn hiện nay.

1.3.1 Vị trí của du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Lâu nay chúng ta vẫn biết tự do tôn giáo tín ngưỡng là một phần không thể thiếu đối với mỗi quốc gia, tập thể, tổ chức, cá nhân và hoạt động du lịch.

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng là xu hướng của các nước vì nó đem lại giá trị lớn cho cộng đồng xã hội.

Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch tôn giáo tín ngưỡng được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những di tích lịch sử, kể cả những phong tục tín ngưỡng, đình, đền, chùa... để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá tôn giáo tín ngưỡng và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ.

Cuộc sống ngày càng trở nên phức tạp, các mối quan hệ, công việc tạo áp lực lớn đối với mỗi con người. Chúng ta cảm thấy mệt mỏi, bế tắc, muốn tìm

một không gian để nghỉ ngơi, để lấy lại niềm tin vào cuộc sống. Chính vì điều đó mà ngày nay du lịch tôn giáo tín ngưỡng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Đối với Việt Nam là quốc gia được đánh giá có tiềm năng du lịch to lớn không chỉ bởi trời phú cho hệ thống cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, sơn thủy hữu tình mà còn bởi vốn văn hóa tinh thần vừa đa dạng, phong phú, vừa độc đáo và mang nhiều bản sắc. Một trong những khía cạnh văn hóa Việt Nam là đời sống văn hóa tâm linh của con người Việt Nam. Nó tạo nên những giá trị nhân văn ở tín ngưỡng đa thần, ở phong tục trẩy hội, lễ chùa khi xuân sang, tết đến, ở hệ thống công trình kiến trúc đình, đền, chùa, lăng tẩm, miếu mạo khắp nơi trên cả nước và có lịch sử ngàn đời. Đến các đình, đền, chùa trên đất nước Việt Nam, du khách sẽ cảm nhận ngay được con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam ở góc độ linh thiêng nhất, đậm đà bản sắc nhất. Bởi vậy, hệ thống các công trình kiến trúc tâm linh được coi là tiềm năng du lịch tôn giáo tín ngưỡng cần được quan tâm và khai thác.

1.3.2 Vai trò và ý nghĩa của du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Tín ngưỡng, tôn giáo là hiện tượng xã hội cổ xưa nhất của nhân loại, quá trình tồn tại và phát triển của tôn giáo đã tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống chính trị, văn hoá, xã hội, tâm lý, đạo đức, phong tục, tập quán của nhiều dân tộc, quốc gia trong đó có Việt Nam.

Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề thuộc lĩnh vực nhận thức, tình cảm, niềm tin. Trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, các tôn giáo lớn đều thích ứng với lợi ích khác nhau của các giai tầng xã hội, với sự biến đổi của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng để tìm ra một tiếng nói chung, nhằm tôn vinh ý nghĩa “Tốt đời, đẹp đạo”. Coi tôn giáo tín ngưỡng như một yếu tố văn hóa, những giá trị truyền thống của các tôn giáo tín ngưỡng giá trị đạo đức tôn giáo có những điều phù hợp với xã hội mới

Tôn giáo tín ngưỡng đã góp phần xây dựng nền văn hóa: với tư cách là một bộ phận cấu thành của văn hóa, một mặt tạo ra sự phong phú cho văn hóa ,mặt khác góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa (cả văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và văn hóa giao tiếp).

Về văn hóa phi vật thể, tôn giáo tín ngưỡng cũng có những đóng góp đáng kể, làm sâu sắc và phong phú hơn những giá trị truyền thống về lòng từ bi với mọi sinh linh, về nhân quả, về vô ngã vị tha, về sự giác ngộ...

Tôn giáo tín ngưỡng góp phần làm phong phú, sâu sắc giao tiếp xã hội thông qua các lễ hội. Các lễ hội tôn giáo như: Lễ Phật đản, lễ Vu lan... của Phật giáo; lễ Noel của Công giáo và Tin lành, đã góp phần tạo sự liên kết cộng đồng và bổ sung, bảo lưu, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống. Chính khía cạnh xã hội của lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm cho đời sống sinh hoạt cộng đồng, cho sự liên kết xã hội qua đó đã bảo lưu và phát triển văn hóa .

1.4. Xu hướng phát triển của du lịch tôn giáo tín ngưỡng

Du lịch tôn giáo tín ngưỡng có xu hướng ngày càng gia tăng và phát triển. Nguyên nhân của việc không ngừng phát triển này là do:

Tôn giáo tín ngưỡng được coi là tài nguyên du lịch quan trọng, có sức hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch. Con người cần đến tôn giáo tín ngưỡng trong đời sống vì niềm tin của mỗi người về một hiện thực tâm linh siêu việt bên ngoài đời sống con người không bao giờ chấm dứt, cho dù con người có đạt đến trình độ văn minh đến đâu chăng nữa; do bởi "cái biết" của con người thì có hạn mà "cái không biết" thì vô hạn. Đã đến lúc con người cần nhìn tôn giáo tín ngưỡng với cái nhìn trung thực không thiên kiến, chủ quan, đánh giá đúng vai trò của tôn giáo tín ngưỡng với đời sống tinh thần của con người.

Trình độ văn hóa, nhận thức ngày càng cao, con người muốn tìm hiểu, khám phá, nghiên cứu những điều mới lạ kì bí, những vấn đề mà khoa học chưa giải thích chứng minh được.

Tài nguyên du lịch tôn giáo tín ngưỡng đa dạng và phong phú. Con người dù sơ khai hay con người văn minh đều có niềm tin vào một hiện thực tâm linh siêu việt ở bên ngoài thế giới loài người. Điều đáng nói là niềm tin đó được thể hiện vô cùng phong phú và đa dạng từ ngây ngô, đơn giản nhất đến tinh tế, phức tạp, phổ biến tùy theo căn cơ , trình độ tiến hoá, tri thức, thời đại... của mỗi

người. Niềm tin đó phát xuất từ sự quan sát hay cảm nhận của mỗi người đối với mọi sự vật chung quanh trong đời sống.

Ở Việt Nam theo ThS. Lê Ngọc Lân (Viện Gia đình và giới), khảo sát cho thấy, trong hoạt động lễ chùa, 48,1% người được hỏi tham dự các dịp lễ chính (ngày Tết, rằm tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chạp), con số này là 20,9% vào ngày rằm, mùng một hàng tháng. 7,3% chỉ thỉnh thoảng đến chùa nhân dịp đi công tác, du lịch và 23,4% hoàn toàn không đi lễ chùa. Trên thực tế, việc người dân tham gia lễ chùa gia tăng một phần do cuộc sống được cải thiện, các cơ sở thờ cúng được tôn tạo, đầu tư nhiều hơn. Với những việc được thực hiện khi đi lễ chùa thì đặt lễ công đức "giọt dầu" cho nhà chùa chiếm tỷ lệ cao nhất (97,5%).

Một biểu hiện khác thể hiện nhu cầu tôn giáo tín ngưỡng tâm linh là việc thờ cúng tại gia. Xem xét mức độ thờ cúng, cầu nguyện tại gia trong khoảng thời gian 12 tháng cho thấy, trong số 1.211 người trả lời có 3,7% không thực hiện nghi lễ này lần nào, 4,1% cúng lễ 1-2 lần trong năm và 2,6% thực hiện vài lần trong năm. Chiếm tỷ lệ cao nhất là những người thực hiện việc thờ cúng 1-2 lần trong tháng (83,2%). Số liệu khảo sát cho thấy 94% số hộ có thờ cúng ông bà, tổ tiên, 8,8% có thờ Đức Phật, 46,1% thờ Ông Địa và 10,9% thờ Thần Tài. Tìm hiểu ý nghĩa của việc hành lễ, thờ cúng tại gia đối với các gia đình Hà Nội hiện nay, 70,4% khẳng định đó là phong tục tập quán tốt, cần được giữ gìn, 48,6% cho rằng đây là những dịp để con cháu tỏ lòng thành kính với ông bà tổ tiên, 6,8% nêu tác dụng của việc thờ cúng tiền nhân, thần Phật là dịp để giáo dục con cái trong gia đình. Tham gia lễ hội truyền thống tại các địa phương cũng được coi là một tiêu chí về sinh hoạt cộng đồng trên khía cạnh tôn giáo tín ngưỡng.

[9;137]

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Du lịch là một trong những phương tiện hàng đầu để giao lưu văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, tạo cơ hội cho mỗi con người được trải nghiệm không chỉ những gì trong quá khứ còn để lại mà cả cuộc sống và xã hội đương đại. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng ngày càng được thừa nhận rộng rãi là một động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản thiên nhiên và văn hoá. Du lịch là một bộ phận chủ yếu của nhiều nền kinh tế quốc gia và khu vực, là một nhân tố quan trọng trong phát triển đất nước. Bản thân du lịch đã thành một hiện tượng ngày càng phức hợp, đóng một vai trò chủ yếu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo tín ngưỡng, giáo dục, sinh thái và thẩm mỹ. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, tạo cho họ một động lực để bảo tồn, duy trì di sản và các tập tục văn hoá.

Trong đời sống tâm linh con người đã từng tồn tại nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Người Việt có tục thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Phật, thờ các thần linh, thờ các anh hùng có công với nước, với dân..., đặc biệt thờ Mẫu (Mẹ). Tôn giáo tín ngưỡng đã trở thành nhu cầu tinh thần của con người. Tôn giáo tín ngưỡng không đơn thuần chỉ là vấn đề thuộc về đời sống tâm linh, tinh thần, mà còn là vấn đề văn hóa, đạo đức, lối sống có những giá trị tốt đẹp mà công cuộc xây dựng xã hội mới có thể tiếp thu. Ngày nay có rất nhiều hình thức du lịch tôn giáo tín ngưỡng khác nhau như : hành hương, ngòai thiền, tham quan, tìm hiểu nếp sống văn hóa, phong tục tập quán, nghiên cứu đời sống tâm linh... Du lịch tôn giáo tín ngưỡng giúp con người thư giãn, giảm stress, tìm lại chính mình, có niềm tin vào cuộc sống...Hiện nay du lịch tôn giáo tín ngưỡng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và theo hướng bền vững.

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA THĂNG LONG TỨ TRẦN (HÀ NỘI) PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG

2.1. Khái quát chung về cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

2.1.1. Lịch sử hình thành cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

a. Khái niệm, ý nghĩa cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

Thăng Long Tứ Trấn là khái niệm xuất hiện trong dân gian để chỉ về bốn ngôi đền thiêng trấn giữ các hướng Đông Tây Nam Bắc của thành Thăng Long, đó là:

Trấn Đông: đền Bạch Mã (phố Hàng Buồm) thờ thần Long Đỗ - thành hoàng Hà Nội. Đền được xây dựng từ thế kỷ 9.

Trấn Tây: đền Voi Phục (đúng ra là đền Thủ Lệ) (hiện nằm trong Công viên Thủ Lệ) thờ Linh Lang - một hoàng tử thời nhà Lý. Đền được xây dựng từ thế kỷ 11.

Trấn Nam: đền Kim Liên, trước đây thuộc phường Kim Hoa, sau thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức (nay là phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội), thờ Cao Sơn Đại Vương. Đền được xây dựng từ thế kỷ 17.

Trấn Bắc: đền Quán Thánh (đúng ra là đền Trấn Vũ), (cuối đường Thanh Niên), thờ Huyền Thiên Trấn Vũ. Đền được xây dựng từ thế kỷ 10.

Thăng Long Tứ Trấn còn một cách hiểu khác rộng hơn, đó là bốn kinh trấn hay còn gọi là nội trấn (ngoài ra còn gọi là các phiên trấn) bao quanh kinh thành Thăng Long, có nhiệm vụ che chắn, bảo vệ kinh thành ngay từ vòng ngoài khi kinh thành trực tiếp bị đe dọa. Vì ở gần kinh thành nên bốn trấn còn là những lực lượng có nhiệm vụ "cứu giá" và dẹp yên nội loạn khi kinh thành có biến. Đó là các trấn:

Kinh Bắc: bao gồm 4 phủ (20 huyện) các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Vĩnh Phúc sau này. Cụ thể, đó là các huyện: Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du,

Võ Giàng, Quế Dương (5 huyện - thuộc phủ Từ Sơn) Gia Lâm, Siêu Loại, Văn Giang, Gia Định, Lang Tài (5 huyện - thuộc phủ Thuận An) Kim Hoa, Hiệp Hoà, Yên Việt, Tân Phúc (4 huyện - thuộc phủ Bắc Hà), và cuối cùng là: Phượng Nhãn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế, Lục Ngạn (6 huyện - thuộc phủ Lạng Giang). Vì trấn lỵ ở Đáp Cầu, huyện Võ Giàng (phía Bắc kinh thành), nên Kinh Bắc cũng được gọi là trấn Bắc hay trấn Khâm. Thành Bắc Ninh đặt tại Bắc Ninh.

Son Nam: Gồm 11 phủ (42 huyện) tương đương các tỉnh Hà Đông, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Hưng Yên sau này. Cụ thể, đó là các huyện: Thanh Đàm, Thượng Phúc, Phú Xuyên (3 huyện - thuộc phủ Thường Tín) Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài An (4 huyện - thuộc phủ Ứng Thiên) Nam Xang, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, Bình Lục (5 huyện - thuộc phủ Lý Nhân) Đông An, Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi, Phù Dung (5 huyện - thuộc phủ Khoái Châu) Nam Chân, Giao Thủy, Mỹ Lộc, Thượng Nguyên (4 huyện - thuộc phủ Thiên Trường) Đại An, Vọng Doanh, Thiên Bản, Ý Yên (4 huyện - thuộc phủ Nghĩa Hưng) Thụy Anh, Phụ Dực, Quỳnh Côi, Đông Quan (4 huyện - thuộc phủ Thái Bình) Ngự Thiên, Duyên Hà, Thần Khê, Thanh Lan (4 huyện - thuộc phủ Tân Hưng) Thư Trì, Vũ Tiên, Chân Định (3 huyện - thuộc phủ Kiến Xương) Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang (3 huyện thuộc phủ Trường An) và cuối cùng là: Phụng Hoá, An Hoá, Lạc Thổ (3 huyện - thuộc phủ Thiên Quan). Vì trấn lỵ ở phía Nam kinh thành, nên Sơn Nam cũng được gọi là trấn Nam hay trấn Ly. Trấn lỵ lần lượt đặt tại Ninh Bình, Hưng Yên rồi Nam Định.

Hải Dương: Gồm 4 phủ (18 huyện) bao gồm các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng và Kiến An sau này. Cụ thể, đó là các huyện: Đường Hào, Đường An, Cẩm Giàng (3 huyện - thuộc phủ Thượng Hồng) Gia Phúc, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Vĩnh Lại (4 huyện - thuộc phủ Hạ Hồng) Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Minh, Chí Linh (4 huyện - thuộc phủ Nam Sách) và cuối cùng là: Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Kim Thành, Thủy Đường, An Dương (7 huyện - thuộc phủ Kinh Môn). Vì trấn lỵ ở phía Đông kinh thành, nên Hải Dương cũng

được gọi là trấn Đông hay trấn Chấn . Thành Đông -Thành Hải Dương đặt tại Hải Dương.

Sơn Tây: Gồm 6 phủ (24 huyện) tương đương các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Yên và Sơn Tây sau này. Cụ thể, đó là các huyện: Từ Liêm, Phúc Lộc, Yên Sơn, Thạch Thất, Đan Phượng (5 huyện - thuộc phủ Quốc Oai) An Lãng, An Lạc, Bạch Hạc, Tiên Phong, Lập Thạch, Phù Khang (6 huyện - thuộc phủ Tam Đái) Sơn Vi, Thanh Ba, Hoa Khê, Hạ Hoà (4 huyện - thuộc phủ Lâm Thao) Đông Lan, Tây Lan, Sơn Dương, Đương Đạo, Tam Dương (5 huyện - thuộc phủ Đoan Hùng) Tam Nông, Bất Bạt (2 huyện - thuộc phủ Đà Dương) và cuối cùng là: Mỹ Lương, Minh Nghĩa (2 huyện - thuộc phủ Quảng Oai). Vì trấn lỵ ở phía Tây kinh thành nên Sơn Tây cũng được gọi là trấn Tây hay trấn Đoài. Thành Tây - Thành cổ Sơn Tây đặt tại Sơn Tây.

Trong nội dung đề tài nghiên cứu, em chỉ đề cập đến Thăng Long tứ trấn với nghĩa hẹp là bốn ngôi đền thiêng ở Hà Nội.

2.2.2. Các giá trị tiêu biểu của cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

a. Giá trị lịch sử

***) Đền Bạch Mã**

Đền Bạch Mã hiện nay tọa lạc ở 76 Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Được xây dựng trước khi có kinh thành Thăng Long, đền Bạch Mã nằm ở hướng chính Đông, là một trong tứ trấn của kinh thành Thăng Long xưa. Xưa kia nơi đền Bạch Mã tọa lạc thuộc địa dư phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức. Đền thờ thần Long Đỗ (tức Rồn Rông), vị thần gốc của Hà Nội cổ, bảo hộ kinh thành Thăng Long.

Sự tích đền Bạch Mã:

Ân sau câu chuyện huyền thoại đền Bạch Mã và sự tích ngựa thiêng về Hải Phòng giúp dân xây đình, là thông điệp về tinh thần tự tôn dân tộc và sự tiếp nối, tôn vinh các giá trị tốt đẹp của người xưa.

Ngựa là một trong những loài vật gắn bó với người Việt từ thời thượng cổ, kề vai sát cánh cùng nhân dân ta trong hoạt động lao động sản xuất lẫn chiến chinh bảo vệ bờ cõi. Vì vậy, gắn với ngựa là nhiều câu chuyện huyền thoại hóa

linh thiêng. Sự tích đền Bạch Mã, cùng việc ngựa thiêng về Hải Phòng giúp dân địa phương xây đình tuy huyền ảo nhưng lại chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa của cổ nhân.

Đời thường hóa linh thiêng: Ngay từ thời vua Hùng dựng nước, mỗi người Việt Nam ngay từ thuở nhỏ đều lớn lên cùng câu chuyện huyền thoại “chàng Gióng, cưỡi ngựa sắt biết thét ra lửa, lao vun vút ra trận, dũng mãnh diệt giặc Ân”. Khi trưởng thành, chúng ta ngầm hiểu Thánh Gióng là hình tượng ước lệ cho sức mạnh vô địch chống ngoại xâm của cả dân tộc, cũng như ngựa sắt thần thông chỉ là sản phẩm do trí tưởng tượng của tổ tiên, được nâng tầm từ chính những phẩm chất vốn có của những chú ngựa bình thường, sống gần gũi với người.

Ngựa trung thành, mạnh mẽ, giàu tốc độ không chỉ là phương tiện đi lại, mà còn gian khổ cùng người Việt kiên cường đánh giặc giữ nước trong buổi đầu sơ khai. Vì thế, ngựa được con người yêu quý thần thánh hóa và huyền thoại trở thành con vật linh thiêng trong đời sống tâm linh của cộng đồng. Câu chuyện ngựa trắng, giúp vua Lý Thái Tổ xây thành Thăng Long, càng minh chứng rõ hơn cho điều này.

Theo cuốn Việt sử giai thoại của nhà sử học Nguyễn Khắc Thuần, tương truyền khi Lý Công Uẩn dời kinh đô từ Hoa Lư đến Đại La, đổi tên là Thăng Long. Nhà vua sai đắp lại thành, nhưng hễ thành đắp xong lại lở, bèn sai người đến cầu đảo tại đền thờ thần Long Đỗ. Chợt người cầu đảo thấy có con ngựa trắng từ trong đền đi ra, dạo quanh thành một vòng, đi tới đâu, để vết chân tại đó, và cuối cùng vào đền rồi biến mất. Nhà vua biết là thần Long Đỗ hiển linh hóa thân vào con ngựa trắng giúp mình xây thành, nên cứ theo vết chân ngựa mà đắp thì thành không lở nữa, rồi nhân đó, phong thần làm thành hoàng của Thăng Long, trấn giữ, bảo vệ cho kinh kỳ.

Sau khi thành xây xong, vua sai người đúc tượng ngựa trắng tại đền để muôn đời sau thờ phụng và tên đổi tên thành đền Bạch Mã bắt đầu xuất hiện từ đó. Các vua đời sau này cũng tôn kính mà phong thần Long Đỗ Bạch Mã tới Bạch Mã Quảng Lợi Tối Linh Thượng Đẳng Thần.

Ngựa thiêng về Hải Phòng: Bạch Mã là một trong tứ trấn nổi tiếng thành Thăng Long xưa (nay là thủ đô Hà Nội). Nhưng có một điểm khá thú vị mà không phải ai cũng biết là ở thành phố Hải Phòng cũng có nơi lấy thần Long Đỗ Bạch Mã làm Thành hoàng làng để thờ tự và sự tích xây đền cũng gắn liền với sự hiển linh của vị thần cưỡi con ngựa trắng. Đó là đình Lệ Tảo, ở phường Nam Sơn, quận Kiến An.

Ông Nguyễn Văn Hứa, Trưởng ban Trị sự đình kể lại câu chuyện khá ly kỳ: “Trương truyền vào năm 1813, làng quyết định xây đình thờ thành hoàng làng “Bạch Thiên Quan Cán trúc tôn thần”, nhưng không hiểu sao đình cứ xây xong lại đổ, mấy năm liền không hoàn thành. Sau các cụ cao niên trong làng nhiều lần nằm chiêm bao thấy thần Long Đỗ cưỡi con bạch mã về báo mộng muốn giúp dân xây đình. Thế là ngay sau đó, làng phải cử người lên tận kinh thành để làm lễ, xin dầu, ấn của đền Bạch Mã. Kỳ lạ thay, kể từ đó đình làng nhanh chóng được hoàn thành và vững vàng qua bao thăng trầm thời gian cho đến tận ngày nay. Ghi nhớ công ơn này, nhân dân trong làng quyết định thờ thêm thần Long Đỗ Bạch Mã làm Thành hoàng, ngựa trắng trở thành vật thờ cúng thiêng trong đình”.

Câu chuyện xây dựng đình Lệ Tảo cũng như sự tích xây thành Thăng Long tuy mang đầy chất huyền ảo, kỳ bí, nhưng nó lại phản ánh tính liên tục và kế thừa trong đời sống tâm linh và tín ngưỡng dân gian của người Việt. Đó là, sự tiếp nối mạch nguồn truyền thống, tri ân những bậc tiền nhân, anh hùng, danh nhân có công với làng, với nước và sự tự hào về mảnh đất Việt Nam địa linh nhân kiệt, nơi đâu cũng có thần linh phù trợ.

Vậy ra, dù ở đình thiêng cấp làng hay ở đền linh - một trong tứ trấn của Thủ đô, thì việc tạc tượng, thờ thần, xây dựng đền miếu, hương khói, truyền tụng những sự tích của người xưa, tưởng chừng như huyền ảo, kỳ bí, nhưng ngẫm ra cũng chỉ cốt nhằm mục đích “chuyên tải đến muôn đời tinh thần tự hào dân tộc và sự tôn vinh những giá trị tốt đẹp của thế tục mà thôi”.

Văn bia hiện còn ở đền cho biết, đền Bạch Mã được tu bổ lớn vào niên hiệu Chính Hòa (1680-1705) đời Lê Hy Tông.

Cuối thế kỷ XVII đền được tôn nền cũ và mở rộng.

Năm 1781, chúa Trịnh cho dân các giáp Mật Thái, Bắc Thượng, Bắc Hạ thuộc phường Hà Khẩu chung quanh đền Bạch Mã được “tạo lệ” (sắm lễ vật tế, không phải sưu sai, tạp dịch khác).

Năm 1829, Đền được sửa chữa rất tráng lệ.

Đến năm Minh Mệnh thứ 20 (1839), đền lại được tu bổ thêm: dựng riêng văn chỉ, xây Phương đình để làm nơi cúng lễ các tuần tiết, quy mô ngày càng rộng rãi, cảnh quan tôn nghiêm, nổi tiếng ở chôn đất thiêng.

Ngoài ra trong đền còn lưu giữ những dấu tích của các danh nhân văn hóa lịch sử nhiều thời kỳ. Thời Trần, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải có bài thơ đề tặng, hiện vẫn còn ở biển gỗ thờ tại đền

*Tích văn hách trạc Đại vương linh,
Kim nhật phương tri quỷ mị kinh.
Hoả bắc tam khu thiêu bất tận,
Phong lôi nhất trận phiến nan khuynh.
Chỉ huy vọng lượng tam thiên chúng,
Hô hấp tiêu trừ bách vạn binh.
Nguyện trọng dư uy thanh Bắc khấu,
Đôn linh vũ trụ lạc thắng bình.*

Bản dịch:

*Đại vương xưa nức tiếng oai linh
Nay mới hay rằng ma quỷ kinh
Lửa tụ ba khu không cháy miếu
Gió lay một trận chẳng nghiêng mình
Khiến sai bọn quỷ ba nghìn đũa
Đánh dẹp loài ma trăm vạn binh
Nhờ cậy dư uy trừ giặc Bắc
Giúp ngay đất nước được thanh bình*

(Trần Lê Văn dịch)

Một trong những câu đối còn tại đền đã khái quát khá tiêu biểu công ơn của thần Bạch Mã:

Phù quốc lộ ở La Thành, vạn cổ uy danh truyền mã tích

Ngật tôn từ vu giang tứ, thiên thu vượng khí trấn Long Biên

Tạm dịch:

Giúp nước thịnh ở La Thành, muôn thuở uy danh truyền dấu ngựa

Bến sông nước, nghìn năm vượng khí giữ Long Biên

Đền được đề cập đến trong "*La Thành cổ tích vịnh*," soạn năm Lê Chiêu Thống Mậu Thân (1788)

Ròng cuộn đất thiêng thành thắng cảnh

Tích truyền Bạch Mã trấn danh châu

Cao vương chuyện cũ nay bùn đất

Vật đối sao đời đã mấy Thu.

*) *Đền Voi Phục*

Đền Voi Phục được lập từ thời Lý Thái Tông (1028-1054) ở góc phía tây nam thành Thăng Long cũ thuộc địa phận làng Thủ Lệ nay là công viên Thủ Lệ. Thờ hoàng tử Linh Lang, con của vua Lý Thái Tông, và bà phi thứ 9 Dương Thị Quang, nhưng tương truyền vốn là con của Long Quân, tên gọi là Hoàng Châu, thác sinh, là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống, và đã hi sinh trên phòng tuyến sông Cầu vào năm 1076. Sau khi mất, được người dân Thủ Lệ lập đền thờ và được nhà vua sắc phong là Linh Lang đại vương thượng đẳng phúc thần. Thần đã nhiều lần âm phù giúp nhà Trần trong cuộc chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, và nhà Lê trong cuộc phục hưng. Vì trước cửa đền có đắp 2 con voi quỳ gối nên quen gọi là đền Voi Phục và vì đền ở phía tây kinh thành nên còn gọi là trấn Tây hoặc trấn Đoài (Đoài, theo bát quái thuộc phương Tây).

Trong lịch sử, đền Voi Phục như một trấn thiêng ở phía Tây của thành Thăng Long, đền không chỉ liên quan trực tiếp với Kinh đô mà nó đã hội vào bản thân rất nhiều dòng chảy của tín ngưỡng dân gian để tồn tại với thời gian, hiện nay khó ai có thể nắm bắt được hết những ý nghĩa thiêng liêng của kiến

trúc mang vẻ đẹp thánh thiện này, chỉ biết rằng, đền Voi Phục, từ nay sẽ luôn được tôn tạo xứng đáng, vì đó là một điểm sáng trong tinh thần bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

**) Đền Kim Liên*

Đền Kim Liên Hà Nội được mệnh danh là Nam trấn Thăng Long do vị trí địa lí của đền, lại mang danh của thần Cao Sơn nên ngôi đền nổi tiếng về sự linh thiêng.

Đền Kim Liên hay còn được gọi là Đền Cao Sơn nằm ở phía Nam của kinh thành Thăng Long. Đền thờ Thần Cao Sơn, có tên khác là Cao Sơn Đại Vương là một trong những người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Đền Kim Liên được xây dựng dưới thời vua Lý Thái Tổ, được dựng lên với mục đích bảo vệ kinh thành ở phía Nam Thăng Long. Nay đền thuộc phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Một số người khi đi xa như làm ăn, công tác hay du lịch Hà Nội đều tới đền Kim Liên cầu thuận buồm xuôi gió, sóng yên bể lặng.

Đền Kim Liên cũng là một địa điểm du lịch Hà Nội trong mùa lễ hội. Lễ hội tại đền diễn ra vào Tháng 3 Âm lịch. Trước kia, lễ hội tại đền kéo dài một tuần trời nhưng đến nay chỉ gói gọn vào ngày 15 Tháng 3 Âm lịch và ngày 16 Tháng 3 Âm Lịch. Ngày lễ chính là ngày 16. Lễ hội diễn ra tưng bừng với nhiều chương trình, trò chơi dân gian thu hút khá nhiều bạn bè, người trẻ quan tâm. Làng Kim Liên từ trước đến nay nổi tiếng với các tay kéo cắt tóc khéo léo và cẩn thận. Một trong những cuộc thi diễn ra vào ngày hội chính là cắt tóc, vừa thể hiện phong cách hiện đại, trẻ trung nhưng cũng không quên truyền thống của cha ông từ xưa.

**) Đền Quán Thánh*

Nhắc đến đền Quán Thánh, người ta sẽ nghĩ ngay đến pho tượng đồng quý giá Huyền Thiên Trấn Vũ. Bức tượng đồng nổi tiếng này chứa đựng nhiều điều kỳ bí cần được giải mã.

Đền Quán Thánh được xây dựng từ đầu thời Lý, xưa kia được xem là một trong Thăng Long tứ trấn và Thăng Long tứ quán.

Thăng Long tứ quán là bốn quán của Đạo giáo ở đất Thăng Long xưa. Quán là nơi tu hành của những người theo Đạo giáo. Ở Thăng Long có bốn Đạo quán lớn, bao gồm:

Trần Vũ quán, nay gọi là đền Quán Thánh ở phố Quán Thánh.

Huyền Thiên quán, nay là chùa Huyền Thiên ở phố Hàng Khoai.

Đông Thiên quán, nay là chùa Kim Cổ ở phố Đường Thành.

Đế Thích quán, nay là chùa Vua ở phố Thịnh Yên.

Những Đạo quán này đều xây dựng từ thời kỳ phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam từ xa xưa, nhưng cũng chỉ đến hết đời Mạc. Từ đời Lê Trung Hưng, do Đạo giáo suy thoái, những đạo quán bị Phật giáo hóa, trở thành chùa. Bên cạnh tượng các thánh của Đạo giáo còn có thêm tượng Phật. Ngoại trừ Trần Vũ quán có tượng Trần Vũ quá lớn nên vẫn còn giữ được bản chất đạo quán, những quán còn lại đều đổi tên thành chùa, trở thành nơi thờ Phật.

Tương truyền ngôi đền Quán Thánh có từ đời Lý Thái Tổ thờ thánh Trần Vũ - vị thần trấn giữ phương Bắc. Vì vậy mà đền có tên là Đền Trần Vũ, Quán Thánh Trần Vũ hay Quán Thánh. Theo truyền thuyết, thánh Trần Vũ là người có công trị loạn hồ ly tinh chuyên quấy nhiễu dân lành. Để tưởng nhớ công ơn to lớn của ông, nhân dân đã cùng nhau đúc lên một bức tượng phác họa hình ảnh của ông bằng đồng đen.

b. Giá trị kiến trúc mỹ thuật

*) *Đền Bạch Mã*

Hiện tại ngôi đền có qui mô kiến trúc lớn gồm có nghi môn, phương đình, đại bái, thiêu hương, cung cấm và nhà hội đồng ở phía sau. Các hạng mục này được bố trí theo chiều dọc, trong một không gian khép kín. Kiến trúc đền còn lưu lại hiện nay chủ yếu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Nổi bật trong kết cấu kiến trúc của đền là toàn bộ khung nhà gỗ với hệ thống cột gỗ lim lớn, các bộ vì đỡ mái được làm kiểu "giá chiêng chồng rường con nhị", đặc biệt là "hệ củng 3 phương" tại nhà phương đình vừa có tác dụng chịu lực, vừa là tác phẩm nghệ thuật và sử dụng để treo đèn trong các ngày lễ hội và kết cấu "vòm vỏ cua" đỡ mái hiên nhà thiêu hương. Trên các cột gỗ, xà

lách, xà ngang, các vì chông rường đều có nhiều mảng trang trí với các đề tài phong phú và nét chạm chắc, khỏe.

Hiện nay đền vẫn giữ nguyên cấu trúc, nhưng được sắp xếp lại theo cấu trúc “tam nguyên đồng hoá” tức là thêm điện thờ Phật và Mẫu, được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 1986. Đến nay, đền còn lưu giữ nhiều di vật cổ có giá trị như: bia đá, sắc phong, kiệu thờ, hạc thờ, đôi phỗng, Cùng với các giá trị về kiến trúc nghệ thuật, di tích đền Bạch Mã là một nguồn tư liệu quý để nghiên cứu, tìm hiểu Thăng Long-Hà Nội về nhiều mặt.

Trong nội thất của đền, phương đình ở phía trong, bên trái có cây hương, bàn thờ, phía ngoài có miếu thờ Tề Vương Phi, bên phải phương đình thờ Bê Núi. Thiêu hương và cung cấm có ban thờ và đồ tế lễ.

Hiện đền còn lưu giữ nhiều di vật cổ có giá trị như: bia đá, sắc phong, kiệu thờ, hạc thờ, đôi phỗng, Cùng với các giá trị về kiến trúc nghệ thuật, di tích đền Bạch Mã là một nguồn tư liệu quý để nghiên cứu, tìm hiểu Thăng Long-Hà Nội về nhiều mặt. Có hơn một nghìn năm lịch sử, đền Bạch Mã là một trong những di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu của thủ đô Hà Nội.

Trong đền hiện nay còn lưu giữ được khá nhiều hiện vật có giá trị như 15 văn bia (nội dung các văn bia đề cập sự tích của Đền, Thần, nghi lễ cúng thần, các lần trung tu tôn tạo), đồ thờ gồm các vũ khí thời cổ như xích, đao, thương, câu liêm... được sơn son thiếp vàng, chạm khắc tinh xảo. Trong Đền, cùng với các lư hương đồng, bình đồng, còn có tượng Phật và một đôi hạc, đôi phỗng trong tư thế đứng trang nghiêm.

Hội Đền hằng năm mở ngày 12 và 13-2 âm lịch hàng năm.

**) Đền Voi Phục*

Đền Voi Phục hiện nay nằm tại phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội. Trước đây, đền nằm trong hệ Tứ Trấn, "giữ" phía Tây kinh thành. Nơi đây vốn là đất lấm hồ ao, lầy lội, là một trong Thập tam trại có từ thời Lý. Đương thời, thuộc tổng nội, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (trước đó là ông Thiên) Tương truyền, đền Voi Phục được xây dựng năm Chương Thánh Gia

Khánh thứ 7 (năm 1065) đời vua Lý Thánh Tông trên một khu gò cao thuộc vùng đất của trại Thủ Lệ - một trong 13 làng trại ở phía tây kinh thành Thăng Long. Bước vào đền ta có thể thấy cổng tứ trụ, như những trục vũ trụ đem sinh khí từ tầng trên truyền xuống trần gian (đây là sản phẩm của thế kỷ XIX - XX), hai bên cổng có bia hạ mã và đôi voi châu phục (hiện mới được xây thêm nghi môn tứ trụ nữa, ở sát với đường lớn). Cũng chính vì điều này mà đền mang tên Voi Phục.

Đường lên sân có ba lối, chính giữa có 12 bậc đá rộng, nơi chỉ để rước kiệu trong ngày lễ, bình thường đi hai lối bên. Trước mặt lối giữa là một giếng vuông mang ý nghĩa tụ thủy tụ phúc, nơi xưa kia lấy nước cúng (có lẽ giếng đã được sửa thành vuông trong thời gian gần đây). Ý nghĩa cầu nước và cầu no đủ còn được thể hiện ở đôi rồng mây "chạm tròn" bằng đá, một sản phẩm khoảng giữa thế kỷ XIX và đôi hồ phù gắn hai bên tường cửa chính được chạm nổi, mang nét chuẩn mực. Đền Voi Phục có dạng chữ Công. Tiền tế 5 gian, kết cấu vì chồng rường, mái lợp ngói mũi hài cổ. Trung đường 1 gian chạy dọc vào phía trong nối với hậu cung. Tại tòa này được đặt ngai lớn chạm khắc hình rồng, hoa lá tỉ mỉ, các nét chạm mang nghệ thuật thế kỷ XIX. Dưới ngai thờ thần là tượng 2 vị tỳ tướng quỳ châu. Hậu cung cũng 5 gian, gian chính giữa ở vị trí sâu và cao nhất là pho tượng đức Linh Lang Đại vương với nét mặt thanh tú, cao sang. Phía trước pho tượng Ngài là một hòn đá lớn được đặt trong hộp kính. Hòn đá có vết lõm, tương truyền thần đã từng gối đầu trên hòn đá này. Hai bên hòn đá là tượng 2 vị phụ tá đứng châu. Trong đền, ngoài các pho tượng còn có hoành phi, câu đối, nhang án, long ngai, cửa võng bát bửu cùng các đồ tế khí. đều được sơn son thếp vàng lộng lẫy.

Ngoài ra, đền Voi Phục còn sở hữu 9 cây muỗm đại cổ thụ nằm ngay trước sân đền. Những cây muỗm này có tuổi khoảng 700 năm. Cả 9 cây đều được trồng cùng với việc xây dựng ngôi đền Voi Phục từ thời nhà Lý. Mặc dù có kích thước khác nhau và đã có một số cây bị xâm hại (bị cưa cành hoặc sâu bệnh) nhưng về cơ bản cả 9 "Cụ Muỗm" này đều rất đồ sộ và vẫn còn xanh tốt. Chu vi thân từ 3 đến 5 m, chiều cao từ 25 – 30 m. Chính quyền địa phương đã

có kế hoạch trùng tu, bảo vệ quần thể di tích đền Voi Phục, trong đó có 9 cây Muôn cổ thụ này.

Lễ hội của đền là một cuộc sinh hoạt văn hoá thường niên, mang tính chất mở, với sự tham gia của thập phương, vượt ra ngoài không gian đất Thủ Lệ, ít nhất là vùng Thụy Khuê, Thủ Lệ, Vạn Phúc rồi vùng Thập tam trại và cả Bông Lai (Đan Phượng - Hà Tây) - lễ hội chính của đền Voi Phục diễn ra vào ngày 9 và 10 tháng hai âm lịch., từng năm có thể kéo dài từ 3 tới 10 ngày tùy theo sự đóng góp của dân, đáng kể nhất là việc rước kiệu và một vài tục lệ khác.

Đền Voi Phục đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần và ngôi đền hiện nay khang trang hơn so với ngôi đền cũ bị thực dân Pháp phá hủy năm 1947. Năm 1994, nhân dân Thủ Lệ quyên góp đúc lại quả chuông cao 93 cm, đường kính miệng 70 cm, thân chia 4 múi, mỗi múi có hàng chữ Hán đúc nổi: "Tây trấn thượng đẳng". Ngày 10/8/2000, thành phố Hà Nội khởi công tu sửa lại Đền Voi Phục. Dự án tu bổ này tập trung chủ yếu vào khôi phục nhà Hữu Vu, hoàn chỉnh kiến trúc tổng thể cho khu di tích. Ngày 4/7/2009, Đền Voi Phục một lần nữa được trùng tu tôn tạo để hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội./. Đền được tách hẳn khỏi công viên thủ lệ, tọa lạc trên gò Long Thủ giữa một khu đất rộng, dưới xum xuê cành lá. Mặt tiền trông ra hồ thủ lệ mênh mông gợn sóng. Sau khi được tu bổ, giờ đây, bất cứ ai đi qua phố Kim Mã xuôi hướng Cầu Giấy về phía cuối hồ Thủ Lệ cũng dễ dàng nhận thấy ngay bên tay phải là công đền Voi Phục lộng lẫy, uy nghiêm. Đền Voi Phục được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích lịch sử văn hóa ngày 28/4/1962.

**) Đền Kim Liên*

Đền Kim Liên vốn được lập nên để thờ Cao Sơn Đại Vương (theo tín ngưỡng dân gian, thì đây là một người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, sau theo mẹ lên núi). Theo tấm bia đá đặc biệt cao 2,34m, rộng 1,57m, dày 0,22m hiện còn lưu giữ tại đền (đây cũng là di vật quý giá nhất ở đền này) có bài tựa "Cao Sơn đại vương thần từ bi minh", văn bia do sử thần Lê Trung soạn năm 1510, nói về công lao của thần Cao Sơn. Nội dung cho biết: Khi vua Lê Tương Dực cầm quân dẹp loạn, khôi phục cơ nghiệp của vua Lê Thái Tổ, có ba vị đại

thần là Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Hoàng Dụ và Nguyễn Văn Lữ cùng đem quân đi chinh phạt. Đến địa phận huyện Phụng Hoá (nay là di tích đền Láo, xã Văn Phương, Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) thì thấy cảnh núi rừng rậm rạp có ngôi đền cổ ghi bốn chữ "Cao Sơn đại vương". Rất lấy làm lạ, vua quan bèn khẩn cầu thần phù trợ. Quả nhiên sau mười ngày đã thành công. Vì thế, vua Lê Tương Dực cho xây dựng đền thờ thần Cao Sơn được lập ở Phụng Hóa. Sau nhớ ơn thần đã ngầm giúp dẹp loạn ở Đông Đô, nên năm 1509, vua cho xây dựng lại đền thờ to đẹp hơn ở phường Kim Hoa gần Thăng Long thời bấy giờ. Sau này, dân làng Kim Liên đã lập thêm cổng tam quan ở phía trước cổng đền ngay sát đầm Kim Liên và bổ sung thêm một số kiến trúc mới, tạo thành đình Kim Liên. Ngoài Cao Sơn Đại Vương, trong đền và đình này còn thờ Tam Phủ, thờ Mẫu, và thờ Hồ Chí Minh.

Đình được xây dựng trên một gò đất cao ở phía đông đầm Kim Liên. Cổng đình và cửa chính điện đều hướng về phía tây, trông ra đầm Kim Liên (đầm này nay không còn do bị lấp đi để làm đường vành đai 1). Kiến trúc của đình bao gồm hai phần tương đối rõ: phần phía trước gò có một cổng trụ biểu, hai dãy giải vũ hai bên sân gạch rộng và phần kiến trúc chính của di tích nằm trên gò đất cao. Đi hết khoảng sân trên thì qua chín bậc gạch cao được xây bằng những viên gạch vồ có kích thước lớn thời Lê Trung Hưng nối hai bộ phận kiến trúc trên.

Đình chính gồm Nghi môn, Đại bái và Cung cấm. Nghi môn là một nếp nhà ba gian, xây kiểu tường hồi bít đốc. Bốn bộ vì đỡ mái được làm theo kiểu chông rường giá chiêng, cột tròn. Trên các bộ phận kiến trúc các họa tiết trang trí được thể hiện sinh động, công phu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Nhà đại bái gồm 5 gian mới được thành phố tôn tạo trong dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long-Hà Nội, với kiểu dáng kiến trúc truyền thống. Hậu cung là một nếp nhà ba gian dọc, xây gạch trần mái lợp ngói ta. Trong nhà xây vòm cuốn, nội thất được bố trí như sau: gian ngoài cùng, bó bệ gạch cao để đặt hương án; gian thứ hai xây bệ gạch cao để đặt long ngai và các đồ tế khí. Gian cuối cùng là nơi thờ Cao Sơn Đại Vương và hai nữ thần phối hưởng (Tôn nữ Động Hồ Trung

Vương (công chúa con gái vua Lê) và Huệ Minh công chúa). Hiện (tháng 2 năm 2009) đình đang được sửa sang, tu bổ.

Di vật quan trọng nhất tại đình Kim Liên là tấm bia đá "Cao sơn Đại Vương thần từ bi minh" do sử thần Lê Tung soạn năm 1510 nói về công lao của thần Cao Sơn trong việc ngầm giúp vua Lê giành lại ngai vàng từ tay ngoại thích và hệ thống 39 đạo sắc phong cho thần Cao Sơn Đại Vương, trong đó có hai sáu đạo thời Lê Trung Hưng, mười ba đạo thời nhà Nguyễn, sớm nhất trong số đó là sắc phong có niên đại Vĩnh Tộ năm thứ hai (1620).

**) Đền Quán Thánh*

Đền được xây dựng vào đầu thời nhà Lý, từng trải qua nhiều đợt trùng tu vào các năm 1618, 1677, 1768, 1836, 1843, 1893, 1941 (các lần trùng tu này được ghi lại trên văn bia). Đợt trùng tu năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 tức đời vua Lê Hy Tông. Trịnh Tạc ủy cho con là Trịnh Căn chủ trì việc xuất của kho để di tạo Trấn Vũ Quán và pho tượng Thánh Trấn Vũ. Nghệ nhân trực tiếp chỉ huy đúc tượng Thánh Huyền thiên Trấn Vũ là Vũ Công Chân.^[1] Ông cho đúc tượng Huyền thiên Trấn Vũ bằng đồng hun, thay cho pho tượng bằng gỗ trước đó. Năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794) đời vua Quang Toản, viên Đô đốc Tây Sơn là Lê Văn Ngữ cho đúc chiếc khánh đồng lớn.

Vua Minh Mạng nhà Nguyễn khi ra tuần thú Bắc Thành cho đổi tên đền thành "Chân Vũ quán". Ba chữ Hán này được tạc trên nóc cổng tam quan. Tuy nhiên, trên bức hoành phi trong Bái đường vẫn ghi là Trấn Vũ quán. Năm 1842, vua Thiệu Trị đến thăm đền và ban tiền đúc vòng vàng đeo cho tượng Trấn Vũ. Đền được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đợt đầu năm 1962.

Có thể thấy người xưa chấp nhận cả hai cách viết và gọi là Trấn Vũ quán và Đền Quán Thánh. Quán là Đạo Quán và là nơi thờ tự của Đạo Giáo, cũng như chùa là của Phật Giáo.

Thánh Trấn Vũ là một hình tượng kết hợp nhân vật thần thoại Việt Nam (ông Thánh đã giúp An Dương Vương trừ ma trong khi xây dựng thành Cổ Loa) và nhân vật thần thoại Trung Quốc: Chân Võ Tinh quân (vị Thánh coi giữ phương Bắc).

Tương truyền đền có từ đời Lý Thái Tổ (1010-1028). Nhưng theo Vũ Tam Lang trong cuốn Kiến trúc cổ Việt Nam, thì đền được khởi dựng năm 1102 (có lẽ là năm 1012 thì đúng hơn).

Theo Vũ Tam Lang thì đền được di dời về phía Nam hồ Tây trong đợt mở rộng Hoàng thành Thăng Long năm 1474 của vua Lê Thánh Tông, nhưng diện mạo được tu sửa vào năm 1836-1838 đời vua Minh Mạng. Các bộ phận kiến trúc đền sau khi trùng tu bao gồm tam quan, sân, ba lớp nhà tiền tế, trung tế, hậu cung. Các mảng chạm khắc trên gỗ có giá trị nghệ thuật cao. Bố cục không gian thoáng và hài hòa. Hồ Tây phía trước mặt tiền tạo nên bầu không khí mát mẻ quanh năm.

Ngôi chính điện (bái đường) nơi đặt tượng Trấn Vũ có 4 lớp mái (4 hàng hiên). Chính giữa là bức hoành phi đề "Trấn Vũ Quán". Hai tường hồi có khắc các bài thơ ca ngợi ngôi đền và pho tượng Trấn Vũ của các tác giả thời nhà Nguyễn như Nguyễn Thượng Hiền, Vũ Phạm Hàm... Nhà Tiền tế có khám thờ và án thư cùng tượng thờ nghệ nhân đúc tượng Trấn Vũ, ông Trùm Trọng.

Tượng Trấn Vũ trong đền Quán Thánh mang nhiều giá trị điêu khắc mỹ thuật có giá trị. Pho tượng thần Huyền Thiên Trấn Vũ được đúc bằng đồng đen vào năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), đời Lê Hy Tông. Tượng cao 3,96m, chu vi 8m, nặng 4 tấn tọa trên tảng đá cẩm thạch cao 1,2m. Tượng có khuôn mặt vuông chữ điền nghiêm nghị nhưng bình thản, hiên hậu với đôi mắt nhìn thẳng, râu dài, tóc xoã không đội mũ, mặc áo đạo sĩ ngồi trên bục đá với hai bàn chân để trần. Bàn tay trái của tượng đưa lên ngang ngực bắt ấn thuyết pháp, bàn tay phải úp lên đốc kiếm, kiếm chống trên lưng rùa nằm giữa hai bàn chân, quanh lưỡi kiếm có con rắn quấn từ dưới lên trên. Rùa, rắn và kiếm là biểu trưng của Huyền Thiên Trấn Vũ.

Theo như sự tích được ghi chép ở đền thì Huyền Thiên Trấn Vũ là thần trấn quản phương Bắc đã nhiều lần giúp nước Việt đánh đuổi ngoại xâm. Lần thứ nhất vào đời Hùng Vương thứ 6 đánh giặc từ vùng biên tràn vào, lần thứ hai vào đời Hùng Vương thứ 7 đánh giặc Thạch Linh... Trong bản ghi chép còn có chi tiết Huyền Thiên Trấn Vũ giúp dân thành Thăng Long trừ tà ma và yêu quái,

giúp An Dương Vương trừ tinh gà trắng xây thành Cổ Loa, diệt Hồ ly tinh trên sông Hồng đời Lý Thánh Tông...

Pho tượng Huyền Thiên Trấn Vũ là một công trình nghệ thuật độc đáo, đánh dấu kỹ thuật đúc đồng và tài nghệ của các nghệ nhân Việt Nam cách đây 3 thế kỷ.

Đền Quán Thánh đã đi vào lời thơ lục bát của nhà thơ Dương Khuê:

*Phát phơ ngọn trúc trắng tà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mật mừng khói toả ngàn sương,
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây hồ.*

Tóm lại, Thăng Long Tứ trấn luôn là niềm tự hào của người dân đất Hà thành nói riêng và cả dân tộc Việt Nam nói chung. Đây là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống, tín ngưỡng tâm linh cùng một khối lượng lớn các hiện vật rất có giá trị. Ngày nay, mọi người biết đến Thăng Long Tứ Trấn với hàm nghĩa gốc là phổ biến nhất. Bởi nó có lịch sử hình thành và tồn tại dài lâu, luôn gắn liền với những biến cố thăng trầm trong lịch sử. Và hơn hết là gắn liền với cuộc sống hàng ngày của người dân - đền nơi thờ cúng thần linh, nơi con người gửi gắm hy vọng của mình, đồng thời đây cũng được xem là tài sản nghệ thuật vô giá của dân tộc mãi vẫn còn được lưu giữ. Bốn ngôi đền với những lối kiến trúc truyền thống hết sức tinh tế, độc đáo đã tạo nên một không gian thiêng liêng cổ kính cho vùng đất Thăng Long - Hà Nội. Bốn ngôi đền: Bạch Mã, Voi Phục, Kim Liên, Quán Thánh xác định địa giới Thăng Long, tạo nên ý nghĩa và tầm vóc của mảnh đất kinh kỳ. Vì thế, cả bốn ngôi đền đều là những địa điểm mà người dân Hà Nội thường đến dâng lễ cũng như văn cảnh đặc biệt vào đầu xuân mới và ngày mùng Một, ngày Rằm. Đây cũng là một cách thể hiện lòng thành kính đến với những vị thần ngày đêm canh giữ, bảo vệ để người dân kinh kỳ có cuộc sống ấm no, an lành. Việc thờ 4 vị thần bảo vệ thành Thăng Long từ 4 phía là nét độc đáo của văn hóa tâm linh Thăng Long. Không chỉ thế, Thăng Long Tứ trấn là những di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc, điêu khắc độc đáo gắn với huyền thoại dân gian, lịch sử Thăng Long và đất nước Việt Nam được nhiều người tìm

tới để hiểu biết thêm về Thăng Long ngàn năm văn hiến. Đây còn là địa chỉ du lịch hấp dẫn nhiều du khách nước ngoài khi tới thăm quan thủ đô Hà Nội

2.2 Thực trạng phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.

a. Các cơ quan ban ngành chịu trách nhiệm quản lý cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn hiện nay

Theo tìm hiểu của tác giả đề tài, Thăng Long Tứ trấn thuộc sự quản lý của nhiều ban, ngành, tổ chức khác nhau, điều này liên quan chặt chẽ đến định hướng phát triển, công tác trùng tu bảo tồn và khai thác phát triển du lịch tại cụm di tích. Các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý bao gồm:

Phòng Văn hóa và Thông tin các quận Đống Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm: Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch và gia đình trên địa bàn quận và chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của lãnh đạo các quận và quản lý chuyên ngành về văn hóa, thể thao, du lịch và thông tin của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông.

Ban Quản lý di tích Hà Nội và Ban Quản lý di tích các đền Quán Thánh, Bạch Mã, Voi Phục, Kim Liên. Ban Quản lý di tích Hà Nội có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Hà Nội.

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, hàng năm, chương trình, giải pháp về phát triển và quản lý các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, văn hóa phi vật thể trên địa bàn Hà Nội. Tổ chức thực hiện sau khi được duyệt.

- Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn Hà Nội thực hiện Luật Di sản văn hóa và các quy định của Nhà nước về quản lý các di tích trên địa bàn Hà Nội.

- Quản lý và tổ chức các hoạt động bảo vệ và khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn Hà Nội.

- Quản lý và huy động nguồn nhân lực để bảo vệ, tôn tạo, trùng tu các di tích. Nghiên cứu, sưu tầm lập hồ sơ xếp hạng các di tích trên địa bàn Hà Nội. Thu nhận di vật, bảo vật quốc gia do thăm dò, khai quật, hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện giao nộp hoặc hiến tặng.

- Nghiên cứu, xây dựng kịch bản tổ chức lễ hội và phát huy giá trị văn hóa các lễ hội truyền thống của địa phương.

- Tổ chức kiểm tra phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra để giữ gìn phát huy giá trị di sản văn hóa. Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Bồi dưỡng đội ngũ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ các bộ, viên chức làm công tác quản lý.

- Ban quản lý di tích chịu sự chỉ đạo quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Di sản văn hóa

Cục Di sản văn hóa là cơ quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực chức năng quản lý nhà nước về di sản văn hóa, được Bộ trưởng giao trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi cả nước theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt hoặc thỏa thuận quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích Thăng Long Tứ trấn, các dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới xét thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích theo quy định của pháp luật. Phối hợp thẩm định trình Bộ trưởng thỏa thuận quy hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến di sản văn hóa. Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Công ty TNHH nhà nước Một thành viên Vườn thú Hà Nội: quản lý Đền Voi Phục.

Ban Quản lý dự án các quận: Đống Đa, Ba Đình, Hoàn Kiếm.

Ủy ban nhân dân các phường có di tích.

Việc quản lý nhiều cấp nhiều ngành có tác dụng tích cực là liên kết ngành cùng quản lý, nhưng đồng thời cũng tạo nên hiện tượng chồng chéo, khó phân định trách nhiệm cụ thể thuộc về cơ quan đơn vị nào.

**) Đối tượng khách du lịch*

Tứ trấn Thăng Long - 4 ngôi đền thờ 4 vị thần trấn giữ tứ hướng để bảo vệ cho kinh thành Thăng Long - chính là những nơi linh thiêng mà khách du lịch trong và ngoài nước nói chung, người dân kinh kỳ nói riêng thường tìm đến trong dịp đầu năm.

Đối tượng khách tham quan di sản Thăng Long Tứ trấn không phân biệt lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, họ thường là:

Người dân quanh vùng đi lễ, cúng bái. Những ngày đông khách là những ngày lễ lớn của dân tộc (Tết Nguyên Đán, tết bánh trôi, Tết Đoan Ngọ, tết trùng cừ,...) và ngày Rằm, Mông Một.

Học sinh, sinh viên đi tham quan để lấy tư liệu học tập.

Khách đến ngắm cảnh, nghỉ ngơi, thư giãn...

Các nhà nghiên cứu đến tìm hiểu về các di tích lịch sử văn hóa tâm linh.

Du khách nước ngoài đến với các di tích chủ yếu là khách lẻ, nhóm nhỏ, lượng khách không đều, chủ yếu với mục đích tham quan, tìm hiểu văn hóa.

**) Doanh thu và lượt khách tham quan:*

Nguồn thu ở các di tích chủ yếu là tiền công đức và tiền giọt dầu của người dân đi lễ đền, khách tham quan. Riêng đền Quán Thánh thu phí vào đền là 10.000đ/người. Cứ 6 tháng 1 lần, ban quản lý di tích cùng với chính quyền địa phương thành lập ban kiểm kê tiền công đức, tất cả số tiền thu được sẽ được gửi tiết kiệm trong ngân hàng. Nguồn thu này chủ yếu quay trở lại phục vụ công tác trùng tu, sửa chữa, bảo tồn di tích khi cần.

Năm 2013, Hà Nội được tạp chí Smart Travel Asia bình chọn là một trong 10 điểm đến du lịch, nghỉ ngơi được ưu tiên lựa chọn hàng đầu châu Á. Còn độc giả website du lịch danh tiếng TripAdvisor đã bình chọn Hà Nội xếp thứ 8 trong tổng số 10 điểm du lịch đang lên của thế giới, riêng đối với khu vực Châu Á thì Hà Nội chỉ xếp thứ 3 sau Kathmandu (Nepal) và Sapporo (Nhật Bản). Đây là

điểm đáng khích lệ cho ngành du lịch Thủ đô khi trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang khủng hoảng, ảnh hưởng mạnh tới ngành du lịch nhưng lượng khách quốc tế đến Hà Nội vẫn đạt mức tăng cao, trong đó một số thị trường trọng điểm có lượng khách du lịch quốc tế đến Hà Nội cao như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Pháp... Theo ước tính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội thì lượng khách quốc tế đến Hà Nội đạt 2,58 triệu lượt người, như vậy là tăng 12,2% so với năm 2012. Khách nội địa đến Hà Nội đạt 14 triệu lượt người, tăng 11,3% so với năm trước.

Đền Bạch Mã nằm trong khu phố cổ sầm uất, khách nước ngoài dạo quanh phố cổ thường không bỏ qua ngôi đền cổ kính này. Trung bình mỗi tháng đền Bạch Mã đón từ 900 đến 1000 lượt khách. Riêng khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 3 âm lịch năm sau, du khách đến với đền rất đông khoảng 2000 lượt khách/tháng, đặc biệt trong tháng Tết.

Đền Kim Liên đón khoảng 10.000 lượt khách mỗi năm, chủ yếu là người dân địa phương đi lễ, lượng khách quốc tế ít hơn so với đền Bạch Mã và đền Quán Thánh.

Đền Quán Thánh nằm ở vị trí giữa hồ Tây và hồ Trúc Bạch lại gần với lăng Hồ Chủ Tịch cùng kiến trúc to đẹp, độc đáo thu hút lượng khách đông nhất trong Tứ trấn. Hàng năm đền Quán Thánh đón từ 20.000 – 25.000 lượt khách quốc tế và nội địa đến tham quan, đi lễ. Đền đông khách du lịch vào mọi thời điểm trong năm, đặc biệt vào dịp Tết.

Đền Voi Phục cũng rất đông du khách, trung bình mỗi năm có khoảng 10 đến 12.000 lượt khách tham quan bao gồm cả khách quốc tế và khách nội địa.

Nhìn chung, số lượng khách du lịch tôn giáo tín ngưỡng đến cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn ngày càng tăng mạnh với các mục đích khác nhau như : hành hương, thiêu, tham quan tìm hiểu giá trị lịch sử, tôn giáo tín ngưỡng

*) Tiềm năng và yếu tố thúc đẩy phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng ở cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

Ngày nay, trên đà phát triển như vũ bão của ngành kinh doanh du lịch dịch vụ trên toàn thế giới, Việt Nam là quốc gia được đánh giá có tiềm năng du

lịch to lớn không chỉ bởi trời phú cho hệ thống cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, sơn thủy hữu tình mà còn bởi vốn văn hóa tinh thần vừa đa dạng, phong phú, vừa độc đáo và mang nhiều bản sắc. Một trong những khía cạnh văn hóa Việt Nam là đời sống văn hóa tâm linh của con người Việt Nam. Nó tạo nên những giá trị nhân văn ở tín ngưỡng đa thần, ở phong tục trẩy hội, lễ chùa khi xuân sang, tết đến, ở hệ thống công trình kiến trúc đình, đền, chùa, lăng tẩm, miếu mạo khắp nơi trên cả nước và có lịch sử ngàn đời. Đến các đình, đền, chùa trên đất nước Việt Nam, du khách sẽ cảm nhận được con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam ở góc độ linh thiêng nhất, đậm đà bản sắc nhất. Bởi vậy, hệ thống các công trình kiến trúc tâm linh được coi là tiềm năng du lịch văn hóa vật thể cần được quan tâm và khai thác.

Có thể nói rằng đền là đại diện tiêu biểu cho hình thức kiến trúc cách thức ứng xử với môi trường tự nhiên và nghệ thuật điêu khắc, hình khối - văn hóa tổ chức cộng đồng của con người Việt Nam. Về kiến trúc, đền, chùa được coi là chốn linh thiêng nên việc lựa chọn nơi xây dựng thường là nơi có phong cảnh hữu tình, hội tụ đủ yếu tố phong thủy trên căn bản âm dương ngũ hành.

Lễ hội là một yếu tố quan trọng thu hút một số lượng đông đảo du khách hàng năm nên nó được coi là một tiềm năng lớn của ngành du lịch. Tựu chung lại, đền, chùa là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên nhân văn to lớn về tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lịch sử,... Những công trình tôn giáo, tín ngưỡng như thế này ngày nay được đánh giá và xếp hạng di tích theo các thang bậc khác nhau về giá trị. Hà Nội có khoảng 2000 di tích được xếp hạng, trong đó cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn là một trong số đó. Đó chính là tiềm năng vô giá cho sự phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại Việt Nam nói chung và tại Hà Nội, cụ thể là cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn nói riêng.

*) Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.

Để thực sự có một sản phẩm du lịch đến với du khách, cần phải xét đến khả năng cung ứng của cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ ngành kinh doanh du lịch trên địa bàn. Cơ sở hạ tầng bao gồm các yếu tố: giao thông

vận tải, thông tin liên lạc, các công trình cung cấp điện, nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đẩy mạnh phát triển du lịch. Thăng Long Tứ Trấn là một trong những cụm di tích lịch sử lâu đời tại Hà Nội, là trung tâm văn hóa của người dân đất Thăng Long cũ. Thăng Long Tứ Trấn nằm trọn vẹn trong khu vực trung tâm thành phố Hà Nội nên hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch vào loại tốt nhất cả nước. Tuy nhiên vì mật độ dân cư đông, vào mùa du lịch lại thêm số lượng khách trong nước và quốc tế đến với Hà Nội rất lớn nên thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, nhất là những tuyến phố chính. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp cận di tích của khách du lịch nói chung và khách du lịch tín ngưỡng tôn giáo nói riêng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của du khách. Tài nguyên du lịch nhân văn dù có phong phú đến đâu nhưng nếu không có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch hỗ trợ thì nó vẫn không thể được khai thác và luôn ở dạng tiềm năng. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng có những chức năng và ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, hỗ trợ các sản phẩm du lịch. Cơ sở phục vụ ăn uống và lưu trú là thành phần đặc trưng nhất trong toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đáp ứng nhu cầu căn bản nhất của con người (ăn và ở) khi họ sống ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình. Ở quanh khu vực các đền của cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn có nhiều khách sạn lớn, đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ du khách nước ngoài quan tâm tìm hiểu văn hóa Việt Nam. Khách du lịch lưu trú tại các khách sạn Intercontinental, Sheraton, Sofitel Plaza Hanoi thường thích thú với việc có thể ngắm nhìn hình ảnh đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc từ cửa sổ phòng mình, với việc đi bộ tham quan chùa Trấn Quốc, đền Quán Thánh và việc chỉ mất vài phút đi xe tới chùa Kim Liên hay Phủ Tây Hồ. Đó là những yếu tố thiết yếu hiện nay có thể đáp ứng cho việc khai thác tiềm năng du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại các đền Thăng Long Tứ Trấn. Bên cạnh đó là hệ thống các khách sạn vừa và nhỏ, hệ thống nhà hàng phục vụ món ăn Việt Nam và quốc tế, các cơ sở phục vụ dịch vụ

bổ sung như trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí,... từng bước được xây dựng và mở rộng. Tại đây cũng có hệ thống các cửa hàng bán đồ lưu niệm là các đặc sản địa phương. Các trung tâm thông tin văn hóa và du lịch tuy chưa nhiều và quy mô nhỏ song đã được quan tâm xây dựng tại mỗi điểm để cung cấp các thông tin cần thiết cho du khách trong và ngoài nước thông qua các ấn phẩm sách, tờ rơi, postcard,... bằng nhiều thứ tiếng.

Có thể nói, ở trung tâm thủ đô Hà Nội, cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn được có nhiều điều kiện để khai thác du lịch tôn giáo tín ngưỡng nhờ hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch hàng đầu của Việt Nam.

**) Nguồn nhân lực*

Mỗi đền đều có ban quản lý riêng khoảng 25 đến 30 người trong đó bao gồm 1 trưởng ban, 1 phó ban, 1 ông từ và ban nghi lễ chịu trách nhiệm trông coi, quét dọn, hương khói trong đền. Trong 4 ngôi đền thì có đền Quán Thánh có thuyết minh viên tại điểm riêng, 3 ngôi đền còn lại do kiến trúc không lớn cùng nhu cầu tìm hiểu, nghe thuyết minh ko nhiều nên ông từ của đền có thể thay thế hướng dẫn viên thuyết minh về lịch sử của đền khi có khách hoặc đoàn khách yêu cầu. Đền Quán Thánh cũng là đền duy nhất thu phí vào cửa nên tại đền có 2 người chịu trách nhiệm bán vé cạnh cổng vào. Ngoài ra, ban quản lý di tích có thể thành lập ban bảo vệ, trông giữ xe vào thời điểm đông khách như mùng 1, ngày rằm, các dịp lễ, tết, hội đền.

**) Các dịch vụ hỗ trợ*

Tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn, các đền đều có dịch vụ cung cấp đồ lễ cho khách tới viếng đền: vàng mã, hương, oản, bánh kẹo... Các quán bán đồ lễ nằm ngay trên đường vào đền, ngay gần cổng vào. Những hàng quán đó đều là của các hộ gia đình nằm gần khu di tích, đều là kinh doanh cá nhân riêng lẻ, không phụ thuộc tổ chức nhân sự của đền. Tất cả các đền trong cụm di tích đều có dịch vụ viết sớ cho khách đến cúng bái. Tại đền Voi Phục, Kim Liên có hát văn phục vụ việc thắp hương dâng lễ của người dân. Cũng tại Đền Voi Phục còn có dịch vụ xem bói, xem tướng số cho khách. Đây là những dịch vụ làm phong phú thêm hoạt động du lịch tín ngưỡng tâm linh của du khách. Tuy nhiên các

dịch vụ này cần phải được quản lý chặt chẽ để tránh tình trạng chật chém khách, truyền bá hoạt động mê tín dị đoan v.v...

2.3. Đánh giá chung

Nhìn chung, công tác quản lý bảo tồn ở Thăng Long Tứ Trấn được thực hiện khá tốt. Qua tìm hiểu của tác giả đề tài, vì là những di tích văn hóa lịch sử có giá trị ở trung tâm thủ đô, các công trình được thường xuyên chăm sóc và trùng tu, tôn tạo, đã có các hành động thiết thực bảo vệ cảnh quan môi trường của các cơ quan có thẩm quyền. Các hoạt động văn hóa tâm linh, lễ hội tại đây vẫn được phát huy. Do có nhiều ban, ngành, bộ phận quản lý di tích nên việc trùng tu, tôn tạo cũng như khai thác phục vụ du lịch được quan tâm theo dõi sát sao. Cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn tạo thêm màu vẽ cho các điểm tham quan đặc sắc của thủ đô, đồng thời là những biểu tượng văn hóa lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo của đất kinh kỳ ngàn năm văn hiến. .

Bên cạnh những mặt tích cực đó, vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như: các cơ quan quản lý có hiện tượng trùng lặp về một số quyền hạn, chức năng, chồng chéo về tổ chức, nhiệm vụ. Đa phần người dân vào lễ tại các điểm văn hóa tâm linh nói chung vẫn chưa nhận thức đúng về hành vi và thái độ khi vào làm lễ: còn nặng về việc thắp hương, mang lễ vật linh đình, hóa vàng mã nhiều quá mức cần thiết. Người lễ còn chưa hiểu rõ trình tự vào thắp hương làm lễ khi đến các địa điểm tâm linh. Vẫn còn hiện tượng người làm lễ nhét tiền vào tay tượng Thần, Phật,... và thả tiền xuống giếng. Một số thanh niên, khách nước ngoài khi vào đền mặc trang phục không phù hợp: quần ngắn, áo hai dây,... Xét về mặt lịch sử, kiến trúc, giá trị văn hóa và ý nghĩa tâm linh to lớn của Thăng Long Tứ Trấn, có thể khẳng định Thăng Long Tứ trấn có tiềm năng rất lớn để trở thành sản phẩm du lịch đặc thù của Hà Nội nếu được khai thác đúng hướng, phát huy các thế mạnh của di tích và khắc phục được những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý, bảo tồn di tích. Việc đầu tư nâng cấp các di tích với tư cách là một sản phẩm du lịch chưa được triển khai trong một quy chế chặt chẽ và toàn diện, trong đó có tính đến yếu tố du lịch. Còn phổ biến tình trạng giao khoán cải tạo thậm chí được phó mặc cho những người quản lý, đầu tư tự sáng

tạo theo ý mình trong trùng tu, tôn tạo, xây mới bằng các biện pháp chặt cây, phá núi; xây bậc xi măng thay cho vẻ đẹp của đất và đá tự nhiên; thay gạch, bê tông cho các cấu kiện gỗ; dùng sơn công nghiệp thay cho sơn ta trong trang trí kiến trúc... làm mất đi vẻ đẹp ban đầu, mất đi những “phần hồn” của các di tích. Những lỗ hổng trong cách quản lý đó dẫn đến hậu quả khôn lường, không những không có tác dụng thu hút du khách mà ở một chừng mực nhất định còn làm phương hại đến hình ảnh của điểm du lịch, hình ảnh chung về nền văn hoá của cả quốc gia. Hơn nữa, thực tế còn tồn tại một mâu thuẫn khá lớn giữa nhu cầu phát triển kinh tế đất nước và yêu cầu của những nguyên tắc, cách thức bảo tồn di tích. Nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản văn hoá chưa thật sâu sắc nên trong nhiều trường hợp cụ thể người ta lại muốn hy sinh văn hoá cho nhu cầu kinh tế. Cũng phải kể tới nguyên nhân do chính sự phát triển du lịch làm ảnh hưởng trực tiếp tới trạng thái bảo quản di tích, di vật. Để phát triển du lịch, các nhà quản lý, kinh doanh du lịch có thể khai thác một cách bừa bãi giá trị của di tích hoặc phá hỏng không gian cảnh quan di tích để xây dựng các dịch vụ du lịch. Vành đai bảo vệ của các di tích ngày càng bị thu hẹp. Người ta xây dựng tràn lan các cơ sở phục vụ khách tham quan, khách du lịch, làm thay đổi diện mạo di tích và làm biến mất sự tồn tại của vùng cảnh quan, vốn là một nhân tố tạo sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch. Giá trị của di tích không còn được nhận biết. Các di tích có một đặc tính "mong manh, dễ vỡ". Tác động của điều kiện tự nhiên (thời tiết, khí hậu) và quá trình khai thác của con người, sự quá tải của số lượng khách tham quan tại một thời điểm nào đó đã tạo nên những tác động cơ học, hoá học làm huỷ hoại di tích và di vật như các vật dụng trang trí, các đồ thờ tự. Điều này trở thành mối nguy cơ đe dọa sự xuống cấp của các di tích, di vật. Ví dụ: chân của pho tượng đức thánh Trần Vũ bị trơn nhẵn không còn nhận biết được nét nghệ thuật trong điêu khắc do khách tham quan xoa đầu, chân lầy may. Những viên gạch cổ bị mòn lõm, những hàng cây không thể đâm lá do lượng người qua lại... Sự phát triển các dịch vụ du lịch thiếu kiểm soát và sự bùng nổ du khách còn có tác động mạnh mẽ đến môi trường văn hoá và môi trường sinh thái tại các khu di tích. Tại nhiều khu di tích, du khách đã viết tên,

khắc tên lên các bộ phận di tích một cách bừa bãi. Bụi bặm, khói xăng dầu, rác thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng không ít đến di tích.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Hà Nội là thủ đô 1000 năm tuổi có lịch sử lâu đời, truyền thống văn hóa đa dạng và giàu bản sắc, Hà Nội thực sự là một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam. Hà Nội luôn là một trong những địa điểm thu hút nhiều khách du lịch nội địa và quốc tế. Hà Nội đứng đầu cả nước về số lượng di tích Việt Nam với 3840 di tích trên tổng số gần 40.000 di tích Việt Nam (trong đó có 1164 di tích trên tổng số gần 3500 di tích cấp quốc gia ở Việt Nam). Chính vì vậy mà Hà Nội có thế mạnh và đủ điều kiện để phát triển du lịch văn hóa, tâm linh và hội thảo.

Thăng Long - Hà Nội, chốn kinh đô bậc nhất của các vị đế vương, một trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị quan trọng và phồn thịnh nhất của cả nước trong các thời kỳ. Đây còn là nơi lưu giữ những giá trị truyền thống, những di sản quý báu của dân tộc, hàng loạt các công trình kiến trúc cổ vô giá và độc đáo hiện vẫn đang được giữ gìn vô cùng chu đáo, tiêu biểu là “Thăng Long Tứ Trấn”. Thăng Long Tứ Trấn là một hệ thống kiến trúc lịch sử với bốn ngôi đền thiêng của vùng đất thủ đô Hà Nội ngày nay gồm đền Bạch Mã, đền Voi Phục, đền Quán Thánh và đền Kim Liên, tất cả được xếp là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Thăng Long Tứ Trấn là một danh từ xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử dân tộc, gắn liền với nhiều giai thoại về công cuộc dựng nước, giữ nước của cha ông chúng ta và có vai trò quan trọng đối với sự bình yên, hưng vong của vùng đất đế đô Thăng Long trong những năm tháng đầy biến động của lịch sử.

Thăng Long Tứ Trấn không những là dấu mốc long mạch của đất kinh kỳ xưa mà còn là nơi hội tụ tâm linh của người dân Việt ngày nay. Du khách gần xa tìm đến Thăng Long Tứ Trấn như một nhu cầu tinh thần, một chốn linh thiêng nơi có niềm tin về tôn giáo tín ngưỡng. Thăng Long Tứ Trấn là điểm đến hấp dẫn của du lịch văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn phục vụ cho phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng

3.1.1. Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ cảnh quan

Trước hết cần định rõ những yếu tố cơ bản tác động có hiệu quả trong việc bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, đảm bảo duy trì được tính đặc sắc cho di tích:

Các văn bản pháp lý của quốc gia và quốc tế về bảo vệ di sản văn hoá nói chung và di tích lịch sử văn hoá nói riêng.

Các thiết chế văn hoá là cơ quan thường trực được giao quyền quản lý tài sản văn hoá.

Các phương pháp/cách thức bảo quản, tu sửa, tôn tạo.

Các tổ chức quần chúng và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng.

Bốn yếu tố cơ bản trên đây đều rất cần thiết và quan trọng, tác động một cách đồng bộ tới các di sản văn hoá nói chung và di sản Thăng Long Tứ Trấn nói riêng nhằm mục đích bảo vệ cho di sản tồn tại lâu dài để khai thác phục vụ xã hội.

Trước sức ép của nền kinh tế thị trường, cảnh quan đô thị đã bị tác động thay đổi nhiều, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công trình kiến trúc cổ. Do đó cần quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, quy hoạch các công trình nhà ở, khách sạn đường xá,... tại gần khu vực di tích, tránh tình trạng các công trình nhà cao tầng, đường xá,... tại gần khu vực di tích, tránh tình trạng các công trình nhà cao tầng, đường xá lấn át cảnh quan di tích.

Cần giữ nguyên cảnh quan của mỗi di tích, trùng tu tôn tạo, bảo tồn những giá trị truyền thống cổ xưa của di tích: khi trùng tu cách di tích cần giữ nguyên mẫu mã hiện vật, chọn vật liệu phù hợp tương đồng với vật liệu cũ của di tích.

Bảo vệ nguyên trạng vị trí bố trí các công trình kiến trúc trong khu di tích, không thêm bớt các công trình khác vào, tránh tình trạng làm mới toàn bộ mà mất đi kiến trúc truyền thống.

Đảm bảo vấn đề vệ sinh cảnh quan môi trường, không xả rác bừa bãi tại khu di tích văn hóa tâm linh, không hóa vàng sai nơi quy định. Không viết vẽ bậy tại khu di tích.

Dùng nguồn vốn xứng đáng cho việc bảo vệ môi trường trong tổng số vốn đầu tư cho các công trình văn hóa tâm linh này, có kế hoạch phân phối nguồn vốn vào các hạng mục một cách phù hợp.

Giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường cảnh quan di tích thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Việc khai thác các di tích phải làm nổi bật được những giá trị đặc sắc của di tích, của thủ đô Hà Nội, đó chính là việc tạo ra sức thu hút đối với khách tham quan, khách du lịch và cũng là linh hồn của hoạt động du lịch. Các di tích đặc sắc, độc đáo mới có sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cao. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, để tích có giá trị đặc sắc, cần phải cố gắng hết sức duy trì diện mạo nguyên thủy của nó, tránh sửa chữa một cách quá mức hoặc phá cũ xây mới hoàn toàn.

3.1.2. Tuyên truyền quảng bá

Tuyên truyền giáo dục, phổ biến cho quần chúng nhân dân hiểu biết đúng đắn về giá trị lễ hội và di tích lịch sử văn hóa tâm linh, làm tăng niềm tự hào dân tộc, từ đó nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ nét văn hóa đặc sắc đó. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình nhằm tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di tích lịch sử văn hoá.

Thông qua hoạt động của các văn phòng du lịch giới thiệu rộng rãi hơn về cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn nói riêng và các công trình kiến trúc tâm linh nói chung. Đặc biệt, muốn hoạt động khai thác di tích phục vụ phát triển du lịch được đẩy mạnh và đạt hiệu quả, cần phải tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị, tập trung giới thiệu rộng rãi các di tích dưới góc độ tài nguyên du lịch văn hoá cho du khách trong và ngoài nước thông qua ấn phẩm quảng cáo, tập gấp, sách hướng dẫn, mạng Internet, các cuộc hội chợ, triển lãm...

Mở rộng mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác di sản để tranh thủ sự trợ giúp về vật chất và tinh thần của các nước trên thế giới và khu vực cần kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thành lập quỹ hỗ trợ bảo tồn và phát triển di tích, góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích.

3.1.3. Tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân

Thực tế khi lên thắp hương ở các Đền, Chùa, lễ vật thắp hương không cần đơn giản nhưng tinh khiết. Do trong đền thờ có nhiều hình thức thờ cúng khác nhau (thờ thần, thờ thánh, thờ Phật, thờ Mẫu,...) nên việc sắp lễ thắp hương cũng cần chú ý nhiều.

Đền là nơi thanh tịnh, tôn nghiêm nên vào dâng lễ hay văn cảnh, người vào phải giữ được tôn nghiêm, thanh tịnh, không có những hành động, lời nói không hay không lịch sự, không ăn mặc hở hang, kệch cỡm.

Không tự tiện lấy tài sản của các Đền, Đình, Chùa, Miếu, Điện,... làm vật sở hữu của mình. Mọi vật ở những nơi thờ tự đó, dù chỉ là cành cây, viên gạch,... không ai được phép nhặt làm của riêng cho mình, trừ khi có sự cho phép của người quản lí. (Đồ được phép lấy khi có sự cho phép của người quản lí là hoa quả, bánh kẹo, oản, vài cành củi, lá cây... những loại hình người đến cúng coi là lộc).

Trên các bàn thờ Phật thì tuyệt nhiên không được thắp hương lễ mặn, rượu và thuốc lá, vì những thứ này nhà Phật cấm kị. Nhiều người còn sắm cả tiền vàng, tiền âm phủ và đồ mã. Khi lên thắp hương tại ban Phật, các loại tiền giấy âm phủ và cả tiền thật cũng không được phép đặt lên hương án của chính điện. Điều kiêng kị nữa là việc kẹp tiền vào mâm hoa quả dâng cúng, vì cách làm đó phạm luật tục dâng cúng phẩm vật tại chính điện, làm mất vẻ thanh tịnh thờ Phật.

Trên các bàn thờ Thánh, Thần, Mẫu, thì đơn giản hơn không yêu cầu khắt khe như thờ Phật, có thể sắm lễ mặn gà, giò, chả, rượu, trầu cau,... nhưng cũng không nên làm quá cầu kì, tốn kém.

Người dân đến Đền, Chùa, thắp hương chỉ mỗi người một nén là đủ. Không thắp nhiều hương gây tình trạng khói nhiều ám vào công trình kiến trúc, nhanh hỏng, lại dễ gây hỏa hoạn. Chỉ cần có lòng thành, không cần nhiều hương khói lễ vật.

Không nhét tiền vào các tượng thờ, vừa gây mất mỹ quan, vừa tạo cảm giác đút lót thần thánh. Nên để tiền vào trong hòm công đức thay cho việc nhét tiền vào tượng.

Khi vào Chùa lễ Phật, nên vào lễ ban Đức Ông trước, sau đó mới vào lễ ở Tam Bảo và các ban khác. Vào Đền lễ Thần Thánh thì lễ ở ngoài tiền đường trước, rồi sau đó vào lễ riêng trong các Cung Thánh ở trong.

3.1.4. Áp dụng thành tựu khoa học vào công tác bảo tồn và phát triển di tích

Áp dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật mới nhất vào lĩnh vực bảo tồn và phát huy di tích là: thành tựu tin học phục vụ cho việc xây dựng và quản lý hệ thống dữ liệu về di tích và bảo tàng, ứng dụng hoá chất vào việc bảo quản di tích, sử dụng vật liệu hiện đại cho việc tu bổ di tích; ứng dụng công nghệ 3D trong việc phục dựng không gian di tích,...

Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý ngành du lịch và văn hoá được học tập kinh nghiệm quản lý và khai thác tài nguyên tại các nước, các vùng trong khu vực và trên thế giới phục vụ cho phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hoá.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu tìm hiểu tại các địa điểm di tích văn hóa tâm linh, với các đối tượng khách là học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu,... Tăng cường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về di tích, lễ hội, các trò chơi dân gian, các loại hình nghệ thuật truyền thống.

3.1.5. Giải pháp về nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại các điểm tham quan di tích bằng cách tăng cường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch và các thuyết minh viên tại các địa danh để đạt yêu cầu cao về trình độ, ngoại ngữ, cách giao tiếp ứng xử với khách. Tổ chức lại việc đón tiếp khách, giới thiệu, trưng bày và tổ chức các sự kiện tránh cảm giác tẻ nhạt, nhàm chán.

Cần xác định việc đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên là điều quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững. Yếu tố con người luôn được quan tâm đặc biệt trong ngành du lịch.

Trước hết, cần nâng cao năng lực quản lý của các lãnh đạo các phòng ban văn hóa của phường, quận, thành phố, ban quản lý, người quản lý di tích,... để bảo tồn và khai thác tốt hơn các di tích lịch sử văn hóa tâm linh.

Các công ty du lịch cần nâng cao năng lực người điều hành, đưa ra được những chương trình tour du lịch mới, những tour du lịch hấp dẫn về với các di tích lịch sử văn hóa tâm linh.

Đội ngũ hướng dẫn viên, người quản lý di tích cần nâng cao trình độ hiểu biết về di tích để khi cần thiết có thể giới thiệu một cách đầy đủ nhất, hấp dẫn nhất về di tích.

Phân công lao động hợp lý, đúng chuyên ngành, trình độ, sức khỏe để đạt hiệu quả công việc cao.

3.1.6. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch

Hình thành chiến lược sản phẩm du lịch phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của Thủ đô; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch văn hoá. Nghiên cứu kỹ thị trường du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp với từng loại thị trường để khai thác tài nguyên du lịch của thủ đô nói chung và các di tích lịch sử văn hoá nói riêng hiệu quả hơn.

Có thể tổ chức đan xen các loại hình văn hoá truyền thống ngay tại các điểm đến của Thăng Long Tứ trấn để chương trình du lịch thêm sinh động, kéo dài thời gian lưu lại của khách.

Đề ra nhiều lịch trình tour mới cho việc phát triển Thăng Long Tứ trấn nói riêng và các di tích lịch sử văn hóa tâm linh nói chung, đa dạng hóa hình thức phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và du lịch.

Đề xuất các tour mở cụ thể cho từng đối tượng khách tham quan Thăng Long Tứ Trấn: khách là người cao tuổi, là sinh viên, nhà nghiên cứu, người văn cảnh,...

Tại Thăng Long Tứ trấn cần thay đổi phương thức kinh doanh phục vụ du khách: tập trung các dịch vụ viết sớ, hát lễ, dâng lễ, bán đồ cúng, xem bói, xem tướng,... tại một địa điểm quy định trong khu di tích và các bộ phận này chịu sự quản lý của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, tương tự như các điểm du lịch tâm linh lớn hiện nay: Chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc (Hải Dương), Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội)

3.1.7. Giải pháp về nâng cao sự sẵn sàng đón tiếp du khách

Trước tiên, để tiềm năng du lịch tại những công trình này không bị lãng phí thì phải khai thác được tối đa lợi ích mà nó mang lại cho hoạt động du lịch. Tuy nhiên, để hoạt động du lịch tại đây mang lại tối đa nguồn lợi nhuận cho nhà kinh doanh thì chất lượng dịch vụ phải đáp ứng được tối đa nhu cầu của khách du lịch.

Tại các điểm đã và đang được khai thác, đối với cơ sở hạ tầng cần thường xuyên nâng cấp, chỉnh sửa. Đặc biệt với hệ thống giao thông, cần nghiên cứu xây dựng đường giao thông một chiều xung quanh điểm du lịch tránh ùn tắc, bãi xe rộng, không quá gần điểm chính ảnh hưởng đến cảnh quan nhưng cũng không quá xa bất tiện cho việc đón trả khách. Đối với cơ sở vật chất kỹ thuật, các cơ quan chức năng cần giám sát, quản lý chặt chẽ những cơ sở ăn uống, lưu trú bình dân do dân địa phương tổ chức kinh doanh để đảm bảo chất lượng. Cần quan tâm đầu tư, xây dựng thêm các cơ sở lưu trú, ăn uống chất lượng cao ở những điểm du lịch xa trung tâm để thu hút thêm khách du lịch có khả năng chi trả cao và du khách nước ngoài. Cần đa dạng hóa các phương tiện vận chuyển vừa tránh tắc nghẽn trên một tuyến đường vừa giúp du khách thuận tiện và tiết kiệm thời gian hơn trong di chuyển.

Về dịch vụ, các hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ của dân địa phương tại điểm nên đưa vào dưới sự quản lý của cơ quan chức năng, nên có biện pháp xóa bỏ triệt để tình trạng chèo kéo, chèn ép khách, tự ý nâng giá các mặt hàng tùy thời vụ, trừng phạt nghiêm khắc các hiện tượng ăn xin, ăn bám, móc túi, trộm cắp. Tại mỗi điểm cần tổ chức một trung tâm thông tin văn hóa, phát hành các ấn

phẩm về điểm du lịch tạo thế mạnh quảng bá, cung cấp hướng dẫn viên tại điểm cũng như trang thiết bị cần thiết phục vụ cho tour tuyến của du khách.

Đối với các công ty du lịch, cần thu hút khách du lịch ngoài thời vụ bằng các chương trình quảng bá, các chính sách giảm giá,...

3.2. Một số kiến nghị trong việc phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng tại cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn

3.2.1. Đối với cơ quan quản lý cấp Bộ

Cơ quan quản lý đầu ngành là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, trong đó chịu trách nhiệm trực tiếp là Tổng cục Du lịch cần sớm nghiên cứu và ban hành một cơ chế tổng hợp, có hiệu quả nhằm khai thác tốt hơn các di tích - tài nguyên du lịch tôn giáo tín ngưỡng như: cơ chế phân công, phân cấp quản lý di tích; cơ chế định mức và các quy chuẩn về công tác bảo tồn di tích; cơ chế chính sách thu hút các nghệ nhân, các chuyên gia khoa học trong và ngoài nước đến làm việc và đóng góp cho công cuộc bảo tồn di tích.

Cần nghiên cứu cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý di sản này theo một cơ chế tách bạch, rõ ràng, thực hiện được ba chức năng lớn: bảo vệ, trùng tu, khai thác.

Cần có chính sách hỗ trợ cho người dân và các tổ chức cá nhân trong việc trùng tu, tôn tạo các đền trong cụm di tích thuộc sở hữu tư nhân phục vụ cho phát triển du lịch và bảo tồn các giá trị văn hoá chung của dân tộc. Có chính sách cụ thể về việc phân chia quyền lợi giữa tổ chức kinh doanh du lịch với các cộng đồng dân cư.

Bộ máy lãnh đạo các hoạt động liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy di tích phải có tầm nhìn chiến lược, có “tuệ và tâm”

Rà soát, sắp xếp và quy hoạch lại hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại tất cả các đền, đặc biệt là ở những khu vực có di tích lịch sử văn hoá thường xuyên có khách đến tham quan. Mọi hoạt động kinh doanh, dịch vụ phải theo đúng luật pháp và quy chế hoạt động của điểm đến tham quan.

Thực hiện nghiêm túc Luật Di sản văn hoá và Luật Đất đai, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gửi các Bộ,

các Ngành và các cấp về tăng cường giữ gìn trật tự, trị an và vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan trong cụm di tích Thăng Long Tứ Trấn.

Các ngành, các cấp phối hợp cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung nghiên cứu, biên soạn, đưa nội dung giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hoá trong các trường học. Cần phải tuyên truyền, giáo dục bằng mọi phương tiện thông tin đại chúng: ti vi, đài, sách báo, tạp chí, ảnh, phim phóng sự... để cho mọi người dân thấy được tầm quan trọng và giá trị của các di tích, về bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác đối với việc bảo vệ các di tích, môi trường nói chung và môi trường du lịch nói riêng.

Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí nhằm xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin địa lý GIS một cách đồng bộ, hoàn chỉnh trong quản lý phát triển hoạt động du lịch cũng như trong công tác quản lý bảo tồn và khai thác các tài nguyên du lịch văn hoá, tôn giáo tín ngưỡng.

3.2.2. Đối với sở VHTT & DL Hà Nội

Phải xác định rõ quan điểm phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các di tích là luôn gắn công tác bảo tồn tính đa dạng, gìn giữ các giá trị di tích lịch sử văn hoá với việc khai thác phục vụ du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Phát triển du lịch vì mục tiêu văn hoá; đồng thời, việc bảo vệ tôn tạo di tích phải hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn các đối tượng đến tham quan nghiên cứu, trong đó có khách du lịch.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động bảo tồn di tích, phục hồi các giá trị văn hoá truyền thống và phát triển du lịch tôn giáo tín ngưỡng là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài của các cơ quan chức năng.

Việc khai thác di tích lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch của Thủ Đô phải đạt được mục tiêu: Giáo dục truyền thống lịch sử thủ đô Hà Nội và lòng tự hào yêu quê hương đất nước; giới thiệu cho khách du lịch trong nước và quốc tế về lịch sử, văn hoá, nét đẹp thiên nhiên của Hà Nội; tăng thêm lợi ích kinh tế cho xã hội, cho thủ đô Hà Nội, cho người dân và các đơn vị kinh doanh du lịch. Hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ hoạt động du lịch đối với tài sản văn

hoá. Theo kinh nghiệm của các nước, thông qua phát triển du lịch, "lấy di tích để nuôi di tích" (chữ nuôi ở đây mang hàm nghĩa bảo tồn, bảo vệ, trùng tu, tu sửa và phát triển).

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban ngành, các cơ quan, các công ty du lịch,.. trong hoạt động du lịch và bảo tồn Thăng Long Tứ Trán, tránh tình trạng chông chéo về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia.

Xây dựng cơ quan chuyên trách về các di tích lịch sử văn hóa tâm linh ở Hà Nội. Cơ quan này tồn tại song song với cơ quan kiểm tra giám sát mọi hoạt động diễn ra tại các di tích văn hóa tâm linh Hà Nội.

Tăng cường công tác nghiên cứu thống kê để có cơ sở khoa học cho việc tăng cường tổ chức quản lí các hoạt động bảo tồn cũng như tôn tạo và phát triển du lịch.

3.2.3. Đối với ban tổ chức và quản lý cụm di tích

Để giải quyết có hiệu quả những vấn đề liên quan đến bảo tồn các đền thờ và để hoạt động du lịch phát triển bền vững cần có sự nâng cao tăng cường công tác quản lí của nhà nước tại từng di tích.

Chính quyền phường, quận, các ngành văn hóa, các ban ngành đoàn thể cần có sự phối hợp thống nhất chặt chẽ để tổ chức khai thác các thế mạnh của Thăng Long Tứ Trán.

Thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch, bảo vệ, tôn tạo các công trình kiến trúc, các di tích lịch sử văn hóa tâm linh. Nghiêm cấm tuyệt đối các hành vi bói toán, mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè.

Tập trung các hộ kinh doanh buôn bán đồ lễ dưới sự quản lí chung của di tích, trở thành bộ phận trong đội ngũ nhân sự của di tích.

Đẩy mạnh công tác quản lý giám sát, nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện đang khai thác phục vụ khách tham quan tại các điểm di tích như: dịch vụ bán đồ lưu niệm, bán hàng giải khát, dịch vụ bán vé tham quan, thuyết minh tại chỗ... nhằm giảm thiểu mọi phiền hà không đáng có cho khách du lịch, đảm bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ trong sự quản lý của ngành Du lịch.

Các ngành có liên quan như Công an thành phố, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức chính quyền cần phối hợp chặt chẽ với ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch để triển khai những biện pháp đồng bộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến tham quan.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Với giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh có ý nghĩa vô cùng to lớn, Thăng Long Tứ Trấn đang là điểm đến hấp dẫn thu hút đông đảo lượng khách du lịch trong và ngoài nước. Thăng Long Tứ Trấn có bề dày lịch sử lâu đời với các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa độc đáo gắn với huyền thoại dân gian, lịch sử của Thăng Long và đất nước Việt Nam. Thăng long Tứ Trấn là điểm nhấn của du lịch tôn giáo tín ngưỡng.

Có thể nói, Thăng long Tứ Trấn là một điểm du lịch tôn giáo tín ngưỡng có tiềm năng lớn của Hà Nội. Để khai thác tốt các tiềm năng du lịch này cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Đặc biệt trong công cuộc khai thác các giá trị của Thăng Long Tứ Trấn phục vụ cho hoạt động du lịch tôn giáo tín ngưỡng cần đặc biệt quan tâm đến các biện pháp trùng tu, bảo tồn các di tích lịch sử, giữ gìn và phát huy các lễ hội truyền thống, thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, kĩ thuật hạ tầng phục vụ du khách. Bên cạnh đó cần có các chính sách, phương hướng, nhiệm vụ rõ ràng góp phần xây dựng kinh tế, chính trị, nếp sống văn hóa cộng đồng.

KẾT LUẬN

Hà Nội mảnh đất ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ biết bao tinh hoa của đất trời Việt Nam, trải bao thăng trầm của lịch sử, Hà Nội vẫn giữ được nét đẹp rất riêng của Á Đông. Không quá ồn ào sôi động nhưng cũng không quá tĩnh lặng, Hà Nội mang trong mình những nét đẹp thanh cao tao nhã hài hòa truyền thống. Vốn được thiên nhiên đất trời ưu đãi về điều kiện tự nhiên và khí hậu, thêm vào đó lại có điều kiện thuận lợi để phát triển văn hóa xã hội, để nơi đây trở thành điểm hội tụ tinh hoa của cả nước. Người dân Hà Thành bao đời qua đã gửi tâm hồn mình vào những giá trị truyền thống, làm nên một Hà Nội ngàn năm văn hiến.

Hà Nội đang từng ngày thay da đổi thịt, ngày càng đẹp hơn, văn minh hơn, hiện đại hơn. Song song với đó vẫn còn một Hà Nội truyền thống cổ kính, nho nhã lịch thiệp và những giá trị truyền thống quý báu. Nếu biết khai thác những giá trị đó một cách hợp lý thì Hà Nội sẽ càng hấp dẫn du khách hơn nữa bởi sự hiện đại và cổ kính của mình.

Nếu việc thờ Cao Sơn và Linh Lang là sự phát huy các giá trị cổ truyền của văn hóa dân tộc thì các đền Quán Thánh và Bạch Mã lại là tiếp thu tinh hoa văn hóa lớn của nhân loại ở ngay láng giềng gần gũi giúp cho dân tộc luôn đi lên bằng cả hai sức mạnh là nội lực và ngoại sinh. Tầm nhìn ấy của cha ông từ nghìn năm trước, ngày càng là bài học cho chúng ta, nhất là thời mở cửa, thông tin bùng nổ, chúng ta cần hòa nhập chứ không hòa tan. Các di tích lịch sử văn hóa, cùng với các lễ hội truyền thống là yếu tố bảo lưu các giá trị tinh thần dân tộc được hun đúc từ bao đời nay của cộng đồng cư dân Việt. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng là loại hình du lịch đưa con người trở về với những giá trị tâm linh, những truyền thống quý báu của dân tộc, từ đó có tác dụng giáo dục con người hướng về cội nguồn, bồi đắp và phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn các di tích lịch sử, các giá trị truyền thống.

Thăng Long Tứ trấn - niềm tự hào của nét đẹp văn hóa tâm linh nước ta, là những công trình mang kiến trúc cổ xưa, địa chỉ du lịch lí tưởng đối với những du khách muốn tìm hiểu về lịch sử văn hóa Thăng Long xưa, Hà Nội

ngày nay nói riêng và Việt Nam nói chung. Bảo tồn, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc là nét đẹp trong văn hóa truyền thống của dân tộc ta, cũng đồng thời làm cho Thăng Long Tứ Trấn trở thành sản phẩm du lịch đặc thù hấp dẫn có giá trị cao về mặt tôn giáo tín ngưỡng.

Mặc dù cố gắng rất nhiều nhưng do vốn kiến thức thực tế còn ít, nên bài khóa luận còn nhiều sai sót và hạn chế... Do đó em rất mong nhận được sự cảm thông cùng những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô giáo

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Đào Thị Thanh Mai cùng các thầy cô trong Khoa Du lịch, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này!

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỤM DI TÍCH THĂNG LONG TỬ TRẦN

*) Đền Voi Phục



















*) Đền Kim Liên





*) Đền Quán Thánh











ĐỀN QUÁN THÁNH

Đền Quán Thánh ở góc đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên) và phố Quán Thánh trông ra Hồ Tây. Đền còn được gọi là Trấn Vũ Quán (Quán là nơi tu luyện của các đạo sĩ). Thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ.

LỊCH SỬ XÂY DỰNG : Đền được xây dựng vào năm 1010 dưới triều vua Lý Thái Tổ, sau khi dời đô về Thăng Long về phía Bắc. Đền là một trong Thăng Long tứ trấn (4 vị thần trấn thành Thăng Long). Thần Huyền Thiên trấn phía Bắc thần Bạch Mã trấn phía Đông (đền Bạch Mã), thần Linh Lang trấn phía Tây (đền Voi Phục), thần Cao Vương trấn phía Nam (đền Kim Liên).

Trải qua đời Trấn Vũ có tu sửa nhiều lần. Đến năm Vĩnh Trị thứ 2 dưới triều vua Lê Hy Tông (1677) bỏ tượng gỗ đúc tượng đồng cao 3m96 nặng 4 tấn và đúc 1 quả chuông.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) được Vua ban tấm biển đồng chữ bạc, trên đó có bài thơ ca tụng công đức của thần, để ở giữa đại bái.

Năm Thành Thái thứ 5 có trùng tu, các đồ tự khí, câu đối đều được sửa lại trang hoàng như ngày nay.

KIẾN TRÚC : Đền làm theo kiểu kiến trúc Trung Quốc. Trước cổng đền, bên bờ Hồ Tây có 4 trụ cao xây theo lối cũ Cổng tam quan xây trên những tảng đá lớn. Trên có gác chuông, treo quả chuông lớn có niên đại năm Đinh Tỵ, đời Lê Hy Tông (1677). Phía trong cổng là sân rộng, trong sân có bể thả cá vàng, có núi non bộ. Đền có hai lớp, lớp ngoài là nhà đại bái, cột xà, cửa vuông đều sơn son thếp vàng. Hai bên tả hữu nhà đại bái có treo biển đồng chữ bạc của Vua Thiệu Trị ban và khánh đồng làm vào đời chúa Trịnh. Trong nội cung đáng chú ý là pho tượng bằng đồng đen cao 3m96 nặng 4 tấn tay trái bắt quyết, tay phải cầm gương có rắn quấn chống lên lưng rùa (rắn tượng trưng cho sức mạnh, rùa tượng trưng cho sự trường sinh). Pho tượng này là một công trình nghệ thuật nói lên trình độ kỹ thuật khá tinh xảo và nghệ đức đồng của cha ông ta vào thế kỷ 17.

- Pho tượng Huyền Thiên Trấn Vũ đúc năm 1677
- Biển đồng làm thời Thiệu Trị (1841)
- Khánh đồng đúc năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794)
- Tấm bia đá ghi việc trùng tu dựng năm 1857
- Cây đèn đồng (các nghệ nhân làng Ngũ Xã đúc năm 1950)

Đền Quán Thánh là một di tích có giá trị về văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc và điêu khắc nằm bên bờ Hồ Tây cùng với tiếng chuông Trấn Vũ đã hòa nhịp vào thiên nhiên, góp phần tô điểm cho cảnh đẹp cổ kính thơ mộng của vùng du lịch Hồ Tây - Hà Nội

“ Gió đưa cảnh trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây hồ ”.

BAN QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN QUÁN THÁNH





*) Đền Bạch Mã





TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách tham khảo

1. Nguyễn Đăng Duy (2009). Văn Hóa Tâm Linh. NXB Văn Hóa Thông Tin
2. Phạm Văn Khoái(2007). Hán Nôm dành cho du lịch. NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
3. Trương Thìn, Đại Đức Thích NghiêM Minh(2009). Lên Chùa Lễ Phật. NXB – Hà Nội.
4. Mai Thục (2006). Tinh hoa Hà Nội. NXB Văn Hóa Thông Tin
5. Doãn Doan Trinh (2003). Hà Nội Địa chỉ Du lịch Văn hóa. NXB Văn Hóa Thông Tin.
6. Dương Văn Sáu (2007). Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng Việt Nam. NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
7. Các di tích lịch sử - văn hóa tín ngưỡng nổi tiếng ở Việt Nam (nhóm trí thức Việt biên soạn) Nhà xuất bản Lao Động năm 2013.
8. Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay, NXB Thế giới 2008.
9. Lê Ngọc Lân, Đề tài cấp Bộ: “Mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình Việt Nam, thực trạng và những vấn đề cần quan tâm”, Viện nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012.
10. Ban quản lý di tích các đền Bạch Mã, Kim Liên, Voi Phục, Quán Thánh.
11. Báo cáo hoạt động giai đoạn 2010 – 2014, sở VH TT & DLHN.